



NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRỊNH CAM LY – NGUYỄN LƯƠNG HẢI NHƯ

PHẠM THỊ KIM OANH – BÙI THANH TRUYỀN – NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN

TIẾNG VIỆT

Sách giáo viên



TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRỊNH CAM LY – NGUYỄN LƯƠNG HẢI NHƯ
PHẠM THỊ KIM OANH – BÙI THANH TRUYỀN – NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN

Tiếng Việt

Sách giáo viên

Blog *Tailieu.com*



TẬP HAI

Chân trời sáng tạo



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên Tiếng Việt 2 là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập, vở tập viết Tiếng Việt 2 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh Tiếng Việt 2 theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học*.

Sách giáo viên Tiếng Việt 2 gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học. Bên cạnh đó, sách còn đưa ra một số lí giải từ góc độ Việt ngữ học và giáo dục ngôn ngữ cho người bản ngữ dưới dạng các lưu ý. Ngoài ra, sách cũng nêu một vài phương án đánh giá năng lực tiếng Việt của học sinh sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai và học sinh có nhu cầu đặc biệt học hoà nhập dưới dạng các gợi ý thêm.

Ngoài những phần vừa nêu, ở đầu sách, tác giả có trình bày một số vấn đề chung như *Quan điểm biên soạn, Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 2*. Trong sách còn có phần phụ lục giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 2, Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Hai khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	3
Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG	6
1. Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 2, tập hai	7
2. Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa (Q đến Y)	12
3. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá	15
Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ	16
Chủ điểm 9 NƠI CHỖN THÂN QUEN (TUẦN 19 – 20)	16
Bài 1 Khu vườn tuổi thơ	16
Bài 2 Con suối bản tôi	20
Bài 3 Con đường làng	24
Bài 4 Bên cửa sổ	27
Chủ điểm 10 BỐN MÙA TƯƠI ĐẸP (TUẦN 21 – 22)	33
Bài 1 Chuyện bốn mùa	33
Bài 2 Đầm sen	36
Bài 3 Dàn nhạc mùa hè	41
Bài 4 Mùa đông ở vùng cao	44
Chủ điểm 11 THIÊN NHIÊN MUÔN MÀU (TUẦN 23 – 24)	49
Bài 1 Chuyện của vàng anh	49
Bài 2 Ong xây tổ	53
Bài 3 Trái chín	57
Bài 4 Hoa mai vàng	61
Chủ điểm 12 SẮC MÀU QUÊ HƯƠNG (TUẦN 25 – 26)	66
Bài 1 Quê mình đẹp nhất	66
Bài 2 Rừng ngập mặn Cà Mau	69
Bài 3 Mùa lúa chín	73
Bài 4 Sông Hương	76

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (TUẦN 27)	81
Ôn tập 1	81
Ôn tập 2	83
Ôn tập 3	84
Ôn tập 4	86
Ôn tập 5	88
Chủ điểm 13 BÁC HỒ KÍNH YÊU (TUẦN 28 – 29)	90
Bài 1 Ai ngoan sẽ được thưởng	90
Bài 2 Thư Trung thu	93
Bài 3 Cháu thăm nhà Bác	97
Bài 4 Cây và hoa bên lăng Bác	101
Chủ điểm 14 VIỆT NAM MẾN YÊU (TUẦN 30 – 31)	106
Bài 1 Chuyện quả bầu	106
Bài 2 Sóng và cát ở Trường Sa	110
Bài 3 Cây dừa	114
Bài 4 Tôi yêu Sài Gòn	118
Chủ điểm 15 BÀI CA TRÁI ĐẤT (TUẦN 32 – 33 – 34)	123
Bài 1 Cây nhút nhát	123
Bài 2 Bạn có biết?	126
Bài 3 Trái Đất xanh của em	131
Bài 4 Hùng đông mặt biển	134
Bài 5 Bạn biết phân loại rác không?	140
Bài 6 Cuộc giải cứu bên bờ biển	143
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (TUẦN 35)	148
Ôn tập 1	148
Ôn tập 2	150
Đánh giá cuối học kì II	153

HƯỚNG DẪN CHUNG

Ở phần *Hướng dẫn chung*, sách giáo viên (SGV) nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn*, *Những điểm mới của sách*, *Cấu trúc sách và các bài học*, *Tổ chức các hoạt động dạy học*; *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*,... trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho giáo viên (GV) khi sử dụng, sách cũng cung cấp một vài nội dung khác như *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 2*, *Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 2*. Các nội dung như vừa nêu đã được tác giả trình bày ở tập một. Vì vậy, phần *Hướng dẫn chung* ở SGV *Tiếng Việt 2, tập hai* gồm:

1. Phân phối chương trình sách giáo khoa *Tiếng Việt 2, tập hai*.
2. Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa (Q đến Y và các chữ hoa kiểu 2).
3. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá.

Chân trời sáng tạo

1. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 2, TẬP HAI

Chủ điểm	Tuần	Bài	Tiết	Nội dung
9. Nơi chốn thân quen	19	Khu vườn tuổi thơ	1, 2	Đọc <i>Khu vườn tuổi thơ</i>
			3, 4	Viết chữ hoa Q, <i>Quê hương tươi đẹp</i>
				Từ chỉ người, chỉ hoạt động. Dấu chấm than
		Con suối bản tôi	5, 6	Đọc <i>Con suối bản tôi</i>
				Nghe – viết <i>Con suối bản tôi</i>
				Phân biệt eo/oe; iêu/ươu, ui/uôi
			7, 8	Mở rộng vốn từ (MRVT) <i>Nơi thân quen</i>
				Nói và đáp lời đề nghị, lời đồng ý
			9, 10	Thuật việc được chứng kiến
				Đọc một truyện về nơi thân quen, gắn bó
	20	Con đường làng	1, 2	Đọc <i>Con đường làng</i>
			3, 4	Viết chữ hoa R, <i>Rừng vàng biển bạc</i>
				Từ chỉ sự vật. Dấu phẩy
		Bên cửa sổ	5, 6	Đọc <i>Bên cửa sổ</i>
				Nghe – viết <i>Bên cửa sổ</i>
				Viết hoa tên địa lí. Phân biệt ch/tr, ong/ông
			7, 8	MRVT <i>Nơi thân quen (tiếp theo)</i>
				Đọc – kể <i>Khu vườn tuổi thơ</i>
			9, 10	Luyện tập thuật việc được chứng kiến
				Đọc một bài đọc về nơi thân quen, gắn bó
10. Bốn mùa tươi đẹp	21	Chuyện bốn mùa	1, 2	Đọc <i>Chuyện bốn mùa</i>
				Viết chữ hoa S, <i>Sông dài biển rộng</i>
			3, 4	Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào?
		Đầm sen	5, 6	Đọc <i>Đầm sen</i>
				Nghe – viết <i>Đầm sen</i>
				Phân biệt êu/ue; l/n, in/inh
			7, 8	MRVT <i>Bốn mùa</i>
				Nói và đáp lời mời, lời khen ngợi
			9, 10	Luyện tập thuật việc được chứng kiến (<i>tiếp theo</i>)
				Đọc một bài thơ về bốn mùa
	22	Dàn nhạc mùa hè	1, 2	Đọc <i>Dàn nhạc mùa hè</i>
			3, 4	Viết chữ hoa T, <i>Tắc đất tắc vàng</i>
				Từ chỉ đặc điểm. Dấu chấm

11. Thiên nhiên muôn màu	23	Mùa đông ở vùng cao	5, 6	Độc Mùa đông ở vùng cao Nghe – viết Mùa cuối mùa Phân biệt d/gi; iu/iêu, oăn/oăng
			7, 8	MRVT Bốn mùa (tiếp theo) Nghe – kể Sự tích mùa xuân và bộ lông trắng của thỏ
			9, 10	Luyện tập thuật việc được chứng kiến (tiếp theo) Độc một bài văn về bốn mùa
		Chuyện của vàng anh	1, 2	Độc Chuyện của vàng anh
			3, 4	Viết chữ hoa U, Ư, Uống nước nhớ nguồn Từ chỉ sự vật. Câu kiểu Ai làm gì?
			5, 6	Độc Ong xây tổ Nghe – viết Ong xây tổ Phân biệt ua/uơ; r/d/gi, ên/ênh
			7, 8	MRVT Thiên nhiên Nói và đáp lời đồng ý, lời không đồng ý
			9, 10	Thuật việc được tham gia Độc một truyện về thiên nhiên
	24	Trái chín	1, 2	Độc Trái chín
			3, 4	Viết chữ hoa V, Vần hay chữ tốt Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào?; dấu chấm, dấu chấm than
		Hoa mai vàng	5, 6	Độc Hoa mai vàng Nghe – viết Hoa mai vàng Phân biệt ao/oa; ch/tr, ich/it
			7, 8	MRVT Thiên nhiên (tiếp theo) Nghe – kể Sự tích cá thồn bơn
			9, 10	Luyện tập thuật việc được tham gia Độc một bài đọc về thiên nhiên
			1, 2	Độc Quê mình đẹp nhất
12. Sắc màu quê hương	25	Rừng ngập mặn Cà Mau	3, 4	Viết chữ hoa X, Xuân về hoa nở Từ chỉ hoạt động. Dấu chấm than
			5, 6	Độc Rừng ngập mặn Cà Mau Nghe – viết Rừng ngập mặn Cà Mau Viết hoa tên địa lí. Phân biệt r/d/gi, im/iêm
			7, 8	MRVT Quê hương Nói và đáp lời cảm ơn
			9, 10	Luyện tập thuật việc được tham gia (tiếp theo) Độc một bài thơ về quê hương
		Quê mình đẹp nhất	1, 2	Độc Quê mình đẹp nhất
			3, 4	Viết chữ hoa X, Xuân về hoa nở Từ chỉ hoạt động. Dấu chấm than
		Rừng ngập mặn Cà Mau	5, 6	Độc Rừng ngập mặn Cà Mau Nghe – viết Rừng ngập mặn Cà Mau Viết hoa tên địa lí. Phân biệt r/d/gi, im/iêm
			7, 8	MRVT Quê hương Nói và đáp lời cảm ơn
			9, 10	Luyện tập thuật việc được tham gia (tiếp theo) Độc một bài thơ về quê hương
			1, 2	Độc Quê mình đẹp nhất
			3, 4	Viết chữ hoa X, Xuân về hoa nở Từ chỉ hoạt động. Dấu chấm than

	26	Mùa lúa chín	1, 2	Đọc <i>Mùa lúa chín</i>
			3, 4	Viết chữ hoa Y, Yêu nước thương nòi Từ chỉ sự vật, chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào?
		Sông Hương	5, 6	Đọc <i>Sông Hương</i> Nghe – viết <i>Sông Hương</i> Phân biệt eo/oe; iu/iêu, an/ang
			7, 8	MRVT <i>Quê hương</i> (tiếp theo) Nghe – kể <i>Sự tích Hồ Gươm</i>
			9, 10	Luyện tập thuật việc được tham gia (tiếp theo) Đọc một bài văn về quê hương
Ôn tập giữa học kì II	27	Ôn tập 1	1, 2	Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản truyện Luyện tập viết chữ hoa: Q, R, S, T, U, V, X, Y
		Ôn tập 2	3, 4	Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu văn bản thông tin Luyện tập nghe – viết <i>Chiều mùa hạ</i> Luyện tập phân biệt d/gi; s/x, iên/iêng
		Ôn tập 3	5, 6	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu, đọc thuộc lòng văn bản thơ Luyện tập nghe – kể <i>Món quà quê</i>
		Ôn tập 4	7, 8	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu văn bản miêu tả Luyện tập từ chỉ đặc điểm, dấu câu (dấu chấm than, dấu phẩy)
		Ôn tập 5	9, 10	Luyện tập đọc lưu loát và đọc hiểu <i>Một ngày ở vườn quốc gia</i> Luyện tập thuật việc được tham gia Luyện tập chia sẻ một bài thơ về thiên nhiên
		Ai ngoan sẽ được thưởng	1, 2	Đọc <i>Ai ngoan sẽ được thưởng</i> Viết chữ hoa A (kiểu 2), Ai cũng đáng yêu
			3, 4	Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào?
		Thư Trung thu	5, 6	Đọc <i>Thư Trung thu</i> Nghe – viết <i>Thư Trung thu</i> Phân biệt uy/uyu; l/n, ương/ương
			7, 8	MRVT <i>Bác Hồ kính yêu</i> Nói và đáp lời từ chối, lời bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng
			9, 10	Nói, viết về tình cảm với người em yêu quý Đọc một truyện về Bác Hồ
13. Bác Hồ kính yêu	28	Cháu thăm nhà Bác	1, 2	Đọc <i>Cháu thăm nhà Bác</i> Viết chữ hoa Ă (kiểu 2), Ăn ngay nói thẳng
			3, 4	Từ chỉ tình cảm. Câu kiểu Ai làm gì?, Ai thế nào?

14. Việt Nam mến yêu		Cây và hoa bên lăng Bác	5, 6	Độc <i>Cây và hoa bên lăng Bác</i> Nghe – viết <i>Cây và hoa bên lăng Bác</i> Phân biệt <i>ui/uy; s/x, ưc/ut</i>
			7, 8	MRVT <i>Bác Hồ kính yêu (tiếp theo)</i> Độc – kể <i>Ai ngoan sẽ được thưởng</i>
			9, 10	Nói, viết về tình cảm với bạn bè Độc một bài đọc về Bác Hồ
	30	Chuyện quả bầu	1, 2	Độc <i>Chuyện quả bầu</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>Â</i> (kiểu 2), <i>Ân sâu nghĩa nặng</i> Từ chỉ sự vật, chỉ đặc điểm. Dấu chấm, dấu phẩy
		Sóng và cát ở Trường Sa	5, 6	Độc <i>Sóng và cát ở Trường Sa</i> Nghe – viết <i>Chim rừng Tây Nguyên</i> Phân biệt <i>d/gi; iêu/ươu, oan/oang</i>
			7, 8	MRVT <i>Đất nước</i> Nói và đáp lời an ủi, lời mời
			9, 10	Nói, viết về tình cảm với người thân Độc một bài thơ về đất nước Việt Nam
		Cây dừa	1, 2	Độc <i>Cây dừa</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>Q</i> (kiểu 2), <i>Quê cha đất tổ</i> Từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động. Câu kiểu <i>Ai làm gì?</i> ; dấu chấm, dấu phẩy
	31	Tôi yêu Sài Gòn	5, 6	Độc <i>Tôi yêu Sài Gòn</i> Nghe – viết <i>Tôi yêu Sài Gòn</i> Phân biệt <i>eo/oe; s/x, ac/at</i>
			7, 8	MRVT <i>Đất nước (tiếp theo)</i> Độc – kể <i>Chuyện quả bầu</i>
			9, 10	Luyện tập nói, viết về tình cảm với người thân Độc một bài văn về đất nước Việt Nam
15. Bài ca Trái Đất	32	Cây nhút nhát	1, 2	Độc <i>Cây nhút nhát</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>N</i> (kiểu 2), <i>Non sông tươi đẹp</i> Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu <i>Ai thế nào?</i>
		Bạn có biết?	5, 6	Độc <i>Bạn có biết?</i> Nghe – viết <i>Cây nhút nhát</i> Phân biệt <i>eo/oe; ch/tr, an/ang</i>
			7, 8	MRVT <i>Trái Đất</i> Nói và đáp lời không đồng ý, lời đề nghị
			9, 10	Nói, viết về tình cảm với một sự việc Độc một truyện về thiên nhiên
	33	Trái Đất xanh của em	1, 2	Độc <i>Trái Đất xanh của em</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>M</i> (kiểu 2), <i>Mưa thuận gió hoà</i> Từ chỉ sự vật. Câu kiểu <i>Ai là gì?</i>

		Hùng đông mặt biển	5, 6	Đọc <i>Hùng đông mặt biển</i>
				Nghe – viết <i>Hùng đông mặt biển</i> Phân biệt <i>ui/uy; r/d/gi, iêc/iêt</i>
			7, 8	MRVT <i>Trái Đất (tiếp theo)</i>
				Nghe – kể <i>Chuyện của cây sồi</i>
			9, 10	Luyện tập nói, viết về tình cảm với một sự việc
				Đọc một bài thơ về thiên nhiên
	34	Bạn biết phân loại rác không?	1, 2	Đọc <i>Bạn biết phân loại rác không?</i>
			3, 4	Viết chữ hoa <i>V</i> (kiểu 2), <i>Vâng lời cha mẹ</i>
				Từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động. Câu kiểu <i>Ai làm gì?</i>
		Cuộc giải cứu bên bờ biển	5, 6	Đọc <i>Cuộc giải cứu bên bờ biển</i>
				Nghe – viết <i>Rừng trưa</i> Phân biệt <i>d/gi; ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã</i>
			7, 8	MRVT <i>Trái Đất (tiếp theo)</i>
				Xem – kể <i>Ngày như thế nào là đẹp?</i>
			9, 10	Luyện tập nói, viết về tình cảm với một sự việc (tiếp theo)
				Đọc một bài văn về thiên nhiên
Ôn tập cuối học kì II	35	Ôn tập 1	1, 2, 3	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu
				Luyện tập viết chữ hoa: <i>A, Ă, Â, Q, N, M, V</i> (kiểu 2)
				Luyện tập từ chỉ đặc điểm. Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than
				Luyện tập chia sẻ một bài thơ về cảnh đẹp thiên nhiên
		Ôn tập 2	4, 5, 6	Luyện tập đọc lưu loát, đọc hiểu
				Luyện tập nghe – viết <i>Tiếng chim buổi sáng</i>
				Luyện tập phân biệt <i>d/gi; ch/tr, iên/iêng, dấu hỏi/ dấu ngã</i>
				Luyện tập tả một đồ chơi của em
				Luyện tập nói và đáp lời cảm ơn, lời chia tay, lời đề nghị
		Đánh giá cuối học kì II	7, 8 9, 10	Đọc thành tiếng <i>Người thiếu niên anh hùng</i>
				Đọc hiểu <i>Một chuyến đi</i>
				Nghe – viết <i>Một chuyến đi</i>
				Phân biệt <i>d/gi</i>
				Dấu chấm, dấu chấm than
				Thuật việc được tham gia
				Nói và nghe <i>Kiến và ve</i>

2. MẪU CHỮ VIẾT HOA VÀ QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN VIẾT CHỮ HOA

– SGK Tiếng Việt 2, tập hai giới thiệu các chữ hoa kiểu 1 từ *Q* đến *Y* và các chữ hoa kiểu 2.

– Các chữ hoa đều có độ cao 2,5 ô li, trừ chữ *Y* có độ cao 4 ô li.

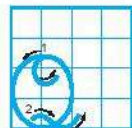
2.1. Chữ *Q*

* **Cấu tạo:** gồm nét cong kín và nét lượn.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ *O*.

② Lia bút đến trước đường kẻ (ĐK) dọc 2, phía trên ĐK ngang 1, viết nét lượn. Đuôi nét lượn song song với nét cong kín và dừng bút giữa 2 ĐK ngang 1 và 2, sau ĐK dọc 3.

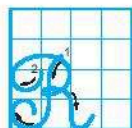


2.2. Chữ *R*

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét cong trái, nét cong phải, nét thắt và nét móc ngược phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút phía dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái cách bên phải ĐK dọc 2 một li, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2.



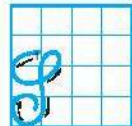
② Lia bút đến điểm giao nhau giữa ĐK ngang 3 và ĐK dọc 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải, nét thắt, nét móc ngược phải và dừng bút phía dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 4.

Lưu ý: Lưng của nét cong trái tiếp xúc với ĐK dọc 1. Lưng của nét cong phải (trên nét thắt) tiếp xúc với ĐK dọc 3. Nét thắt nằm phía trên ĐK ngang 2 và cắt ngang nét móc ngược trái.

2.3. Chữ *S*

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét thẳng đứng.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, phía dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái phía trên ĐK ngang 2, lượn vòng lên chạm ĐK dọc 2 viết nét thẳng đứng sát ĐK dọc 2, viết tiếp luôn nét cong trái và dừng bút cách bên phải ĐK dọc 2 một li, phía dưới ĐK ngang 2.

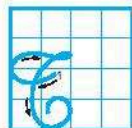


Lưu ý: Lưng của 2 nét cong trái đều chạm ĐK dọc 1. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

2.4. Chữ *T*

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét thắt và nét cong phải.

* **Cách viết:** Đặt bút giữa ĐK dọc 2 và 3, phía dưới ĐK ngang 3 một li, viết nét cong trái nhỏ kết hợp viết nét thắt rồi viết tiếp nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút cách bên phải ĐK dọc 2 một li, dưới ĐK ngang 2.



Lưu ý: Lưng nét cong trái nhỏ phải chạm ĐK dọc 1. Nét cong phải chạm ĐK dọc 3 và ĐK ngang 2.

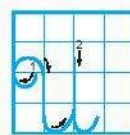
2.5. Chữ U

* **Cấu tạo:** gồm nét móc hai đầu và nét móc ngược phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút cách bên trái ĐK dọc 2 một li, dưới ĐK ngang 3, viết nét móc 2 đầu và dừng bút trên ĐK dọc 3, giữa 2 ĐK ngang 1 và 2.

② Lia bút lên theo ĐK dọc 3 đến giữa ĐK ngang 3 và 4, viết nét móc ngược phải và dừng bút giữa 2 ĐK ngang 1 và 2, trước ĐK dọc 4.

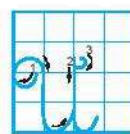


2.6. Chữ Ƴ

* **Cấu tạo:** gồm nét móc hai đầu, nét móc ngược phải và dấu phụ (nét móc trái nhỏ).

* **Cách viết:**

Tương tự quy trình viết chữ U, chữ Ƴ viết thêm dấu phụ phía trên ĐK ngang 3, chạm nét móc ngược phải.



2.7. Chữ V

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét thẳng đứng và nét móc phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng bút bên phải ĐK dọc 2, giữa ĐK ngang 3 và 4.

② Không nhấc bút, hơi lượn lại ĐK dọc 2 để viết nét thẳng đứng, lượn trái một chút khi gần chạm ĐK ngang 1.

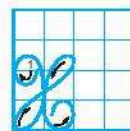
③ Không nhấc bút, lượn gần lại ĐK dọc 3 viết nét móc phải rồi dừng bút trên ĐK ngang 3, sau ĐK dọc 3.



2.8. Chữ X

* **Cấu tạo:** gồm nét cong phải và nét cong trái.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét cong trái nhỏ liền mạch với nét cong phải lớn; không nhấc bút, viết tiếp nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải nhỏ, dừng bút giữa 2 ĐK ngang 1 và 2, sau ĐK dọc 2.



Lưu ý: ĐK dọc 2 là trục đối xứng của chữ X.

2.9. Chữ Y

* **Cấu tạo:** gồm nét móc 2 đầu và nét khuyết dưới.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc 2 đầu và dừng bút trên ĐK dọc 3, giữa 2 ĐK ngang 1 và 2.



⊙ Lia bút lên theo ĐK dọc 3, viết nét khuyết dưới và dừng bút trước ĐK dọc 4, giữa ĐK ngang 1 và 2.

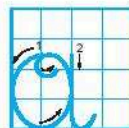
2.10. Chữ A (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét cong kín (cuối nét lượn vào trong) và nét móc ngược phải.

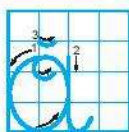
* **Cách viết:**

⊙ Đặt bút trên ĐK dọc 2, giữa ĐK ngang 3 và 4, viết nét cong kín như chữ O hoa.

⊙ Lia bút lên theo ĐK dọc 3, giữa ĐK ngang 3 và 4, viết nét móc ngược phải, dừng bút giữa ĐK ngang 1 và 2, bên trái ĐK dọc 4.



2.11. Chữ Ă, Â (kiểu 2)



Tương tự quy trình viết chữ A, chữ Ă viết thêm nét lượn vòng trên đầu chữ A, chữ Â viết thêm 2 nét xiên nhỏ (dấu mũ) trên đầu chữ A.

2.12. Chữ M (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét móc 2 đầu bên trái (2 đầu đều lượn vào trong), nét móc, nét lượn ngang và nét cong trái.

* **Cách viết:**

⊙ Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc 2 đầu bên trái (2 đầu đều lượn vào trong), dừng bút giữa ĐK ngang 1 và 2, trước ĐK dọc 2.

⊙ Lia bút đến đoạn nét cong phía trên ĐK ngang 3, viết nét móc trái, dừng bút ở ĐK ngang 1, phía trước ĐK dọc 3.

⊙ Lia bút đến đoạn nét móc trái ở ĐK ngang 3, viết nét lượn ngang rồi đổi chiều bút, viết tiếp nét cong trái, dừng bút trên ĐK dọc 4, giữa ĐK ngang 1 và 2.



2.13. Chữ N (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét móc 2 đầu bên trái (2 đầu đều lượn vào trong), nét lượn ngang và nét cong trái.

* **Cách viết:**

⊙ Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc 2 đầu bên trái (2 đầu đều lượn vào trong), dừng bút ở giữa ĐK ngang 1 và 2, trước ĐK dọc 2.

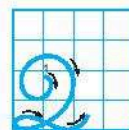
⊙ Lia bút đến đoạn nét móc ở ĐK ngang 3, viết nét lượn ngang rồi đổi chiều bút, viết tiếp nét cong trái, dừng bút giữa ĐK ngang 1 và 2, giữa ĐK dọc 3 và 4.



2.14. Chữ Q (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét cong phải và nét lượn ngang.

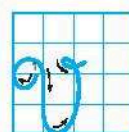
* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, phía dưới ĐK ngang 3, viết nét cong trái, viết tiếp nét cong phải rồi đổi chiều bút, viết nét lượn ngang từ trái sang phải, cắt ngang nét cong phải, tạo thành 1 vòng xoắn ở chân chữ, dừng bút giữa ĐK ngang 1 và 2, ĐK dọc 3 và 4.



2.15. Chữ V (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét móc 2 đầu trái – phải, nét cong phải và cong dưới (tạo vòng xoắn nhỏ).

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc 2 đầu, viết tiếp nét cong phải (hơi duỗi) rồi đổi chiều bút, viết tiếp nét cong dưới nhỏ cắt ngang nét cong phải tạo thành một vòng xoắn nhỏ, dừng bút phía trên ĐK ngang 3, giữa ĐK dọc 3 và 4.



3. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (xem SGK Tiếng Việt 2, tập một, trang (tr.) 35 – 41)

Blog *Tailieu.com*

Chân trời sáng tạo



HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

CHỦ ĐIỂM 9: NƠI CHỐN THÂN QUEN (TUẦN 19 – 20)

Chủ điểm *Nơi chốn thân quen* hướng đến việc bồi dưỡng cho học sinh (HS) phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm*; giúp HS nhận ra trong nhà em, xung quanh nơi em ở, nơi nào cũng gần gũi, thân quen, đáng yêu, đáng trân quý; bước đầu tự hào về vẻ đáng yêu, đáng trân quý của những nơi thân quen, gần bó; có ý thức giữ gìn vẻ đẹp ở những nơi chốn thân quen ấy.

Bài 1: KHU VƯỜN TUỔI THƠ *Tailieu.com* (tiết 1 – 4, sách học sinh (SHS), tr.10 – 12)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về một khu vườn em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Trò chơi của bố giúp bạn nhỏ gần bó với khu vườn nhà mình*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo vệ nơi gần bó*; ghép được các chữ cái đã cho và thêm dấu thanh (nếu cần) để tạo thành từ ngữ chỉ tên loài hoa, nêu đặc điểm của loài hoa đó.
3. Viết đúng chữ *Q* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ người và hoạt động tương ứng; nhận diện được và bước đầu biết sử dụng câu đề nghị, dấu chấm than.
5. Thực hiện được trò chơi *Đôi bàn tay và chiếc mũi kì diệu*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Bố cười* đến *khu vườn nhà mình*.
- Tranh ảnh/ vật thật: hoa phượng, hoa hồng, hoa sừng, hoa sen, hoa sứ, hoa ngô,...
- Mẫu chữ viết hoa *Q*.
- GV và HS mang tới lớp một vài loại hoa, quả (để chơi trò chơi *Đôi bàn tay và chiếc mũi kì diệu*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Nơi chốn thân quen*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một khu vườn em biết: tên khu vườn, tên các loại cây trồng trong vườn,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Khu vườn tuổi thơ*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, lời nói, hành động của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: người dẫn chuyện giọng kể thông thả, **nhân** giọng ở những từ ngữ chỉ hành động của hai bố con, từ ngữ gọi tên các loài hoa; giọng bố: động viên ở đoạn đầu; ân cần pha lẫn niềm tự hào ở đoạn cuối).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nhấp nhô, nhụy, ram ráp, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Bố dẫn tôi đi chạm tay vào từng bông hoa/ rồi hỏi://, Tôi nhận ra thêm được hoa cúc/ nhờ mùi hương thật dễ chịu,/ hoa ịch mẫu/ với mùi ngai ngái rất riêng://, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, ví dụ (VD): *nhấp nhô* (nhô lên thật xuống liên tiếp, không đều nhau), *ram ráp* (có nhiều đường hoặc nốt rất nhỏ lồi lên trên bề mặt, sờ vào thấy không mịn),...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Trò chơi của bố giúp bạn nhỏ gắn bó với khu vườn nhà mình¹.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu quý nơi gắn bó, thân quen.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Bố cười* đến *khu vườn nhà mình*.

¹ Như đã nêu ở *Hướng dẫn chung*, tùy bài cụ thể và tùy vào tình hình thực tế của HS, GV có thể gợi ý hoặc không gợi ý để hướng dẫn HS rút ra nội dung bài đọc và liên hệ bản thân.

- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Bố cười* đến *khu vườn nhà mình*.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Trò chơi tuổi thơ*.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, ghép các chữ cái và thêm dấu thanh (nếu cần) để tạo thành từ ngữ chỉ tên 2 – 3 loài hoa (Đáp án: *hoa phượng, hoa hồng, hoa súng, hoa sen, hoa si, hoa ngô,...*).
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về đặc điểm của 1 – 2 loài hoa vừa tìm được.
- HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả (GV có thể tổ chức trò chơi tiếp sức/ truyền điện).

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ Q hoa

- HS quan sát mẫu chữ *Q* hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ *Q* hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *Q* hoa.
- HS viết chữ *Q* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *Q* hoa vào vở tập viết (VTV).

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Quê hương tươi đẹp*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *Q* hoa và cách nối từ chữ *Q* hoa sang chữ *u*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Quê*.
- HS viết chữ *Quê* và câu ứng dụng *Quê hương tươi đẹp* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Quê em đồng lúa nương dâu
Bên dòng sông nhỏ nhịp cầu bắc ngang.
Nguyễn Hồ*

- HS viết chữ *Q* hoa, chữ *Quê* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của bài tập (BT) 3a, đọc lại đoạn 1 bài *Khu vườn tuổi thơ*.
- HS tìm từ ngữ chỉ người và chỉ hoạt động tương ứng (Đáp án: *bố – trồng, dẫn, tưới; tôi – tưới*).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b, chơi tiếp sức viết thêm 2 – 3 cặp từ ngữ chỉ người và chỉ hoạt động tương ứng.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS có thể tìm thêm một số cặp từ ngữ chỉ người và chỉ hoạt động tương ứng trong bài *Khu vườn tuổi thơ*.

4. Luyện câu

4.1. Nhận diện câu đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS nghe GV hướng dẫn cách tìm câu đề nghị (GV gợi ý cho HS dùng phương pháp (PP) loại trừ, hoặc hướng dẫn theo kiểu giải thích “Câu đề nghị là câu có mục đích nói để người nghe thực hiện một hoạt động”, VD: *Em làm bài tập này nhé!*).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ để tìm câu đề nghị.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Dấu chấm than

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để tìm dấu câu phù hợp với mỗi ô trống.
- HS chia sẻ đáp án với bạn trong nhóm nhỏ và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.3. Luyện tập đặt câu đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 4c.
- HS đặt câu đề nghị theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào vở bài tập (VBT) 2 – 3 câu đề nghị.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Đôi bàn tay và chiếc mũ kì diệu*.
- HS chơi trò nhắm mắt, đoán tên hoa, quả theo nhóm nhỏ.
- HS nói về đặc điểm của những loại hoa, quả em đã đoán tên.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: CON SUỐI BẢN TÔI (tiết 5 – 10, SHS, tr.13 – 17)

I. MỤC TIÊU

1. Giới thiệu được với bạn một cảnh vật nơi em ở; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Con suối đã đem lại cho bản về thanh bình, trù phú với bao nhiêu điều hữu ích; biết liên hệ bản thân: Yêu quý, bảo vệ vẻ đẹp nơi em gắn bó.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được eo/oe; iêu/ươu, ui/uôi.
4. Mở rộng được vốn từ về nơi thân quen (từ ngữ chỉ nơi chốn).
5. Biết nói và đáp lời đề nghị, lời đồng ý.
6. Nhận diện được kiểu bài thuật việc đã chứng kiến.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về nơi thân quen, gắn bó.
8. Chia sẻ được hiểu biết về một dòng sông hoặc ao, hồ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *lòng suối*.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT 2(c), 3 và 4.
- HS mang tới lớp tranh ảnh về nơi em ở, truyện về nơi thân quen, gắn bó đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sử dụng ảnh (nếu có) giới thiệu với bạn một cảnh vật nơi em ở (Gợi ý: *ngọn núi, cánh đồng, công viên, ...*).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Con suối bản tôi*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, nhấn giọng các từ ngữ chỉ đặc điểm của con suối, hoạt động của người, vật).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cá lườn đỏ, cá lưng xanh, lấp lánh, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xiết* (chảy rất mạnh và nhanh), *chồm* (cất cao mình lên và lao mạnh về phía trước), *lững thững* (từ gọi tả dáng đi thông thả, chậm rãi từng bước một), *trù phú* (đông người và giàu có), *lũ* (nước dâng cao ở vùng đầu nguồn, dồn vào dòng sông trong một thời gian tương đối ngắn, do mưa hoặc tuyết tan gây ra), *thác* (chỗ dòng sông, dòng suối chảy vượt qua một vách đá cao nằm chắn ngang rồi đổ mạnh xuống), *vực* (chỗ nước sâu nhất ở sông, hồ hoặc biển/ chỗ thung lũng sâu trong núi, hai bên có vách dựng đứng),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Con suối đã đem lại cho bản vẻ thanh bình, trù phú với bao nhiêu điều hữu ích.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý, bảo vệ vẻ đẹp nơi em gần bó.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ đầu đến *lòng suối*.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ đầu đến *lòng suối*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *xiết, chồm, lững thững, nhàn rỗi, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dạo, dòng*.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học).

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt eo/oe; iêu/iơu, ui/uôi

2.2.1. Phân biệt eo/oe

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS quan sát tranh, trao đổi trong nhóm nhỏ, tìm tên gọi của từng sự vật, hoạt động trong tranh.

– HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: bánh xèo, mùa xoè, chèo thuyền, đi cà kheo, chích chèo. GV có thể giải thích thêm: bánh xèo (bánh làm bằng bột gạo tẻ xay ướt, tráng

mỏng trên chảo rồi gập đôi lại, trong đó có nhân tôm, thịt, giá đỗ và hành); *múa xoè* (tên một điệu múa của dân tộc Thái);...).

- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt iêu/ươu, ui/uôi

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS quan sát tranh, thực hiện BT trong nhóm nhỏ (Đáp án: vằn iêu/ươu: con hươu, đà diêu, ốc buơu; vằn ui/uôi: buồng chuối, dây múi, ruộng muối. Lưu ý: HS có thể đưa ra nhiều từ ngữ khác nhau, chỉ cần có đúng tiếng chứa vằn cần tìm, VD: chim đà diêu, con đà diêu,... GV có thể cho HS đặt (nói) câu có từ ngữ vừa tìm được).
- HS chơi tiếp sức, thực hiện BT trên bảng lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS tìm lời giải nghĩa phù hợp với mỗi từ bằng hình thức nối vào VBT.
- HS chơi tiếp sức để chữa bài.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm 4 bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 từ ngữ theo yêu cầu, ghi vào thẻ từ. Thống nhất kết quả trong nhóm.
- Một số nhóm HS chữa bài bằng hình thức bổ sung thẻ ghi từ ngữ trên bảng.
- HS giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, đọc đoạn văn và các từ ngữ trong khung.
- HS thảo luận, chọn từ ngữ phù hợp thay cho ☹ trong nhóm đôi (Đáp án: *thêm, gian nhà, vườn, nhà*).
- HS làm bài vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn sau khi đã điền từ ngữ.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

5.1. Nói lời đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.

- HS đọc lời của các nhân vật trong tranh theo nhóm đôi.
- Một số nhóm HS nói lại lời nhân vật trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc lời của các nhân vật trong mỗi tình huống.
- HS đóng vai để nói và đáp lời đồng ý trong nhóm đôi.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Thuật việc được chứng kiến

6.1. Nói theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và từ ngữ gợi ý.
- HS nói miệng trước lớp nội dung mỗi tranh bằng một câu dựa vào từ ngữ gợi ý.
- HS nói trong nhóm đôi về việc nặn tò he của bác Huân dựa vào tranh và từ ngữ gợi ý.
- Một số HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết đoạn văn ngắn

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, nhớ lại nội dung đã nói ở BT 6a.
- HS viết đoạn văn vào VBT.
- Một số HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về nơi thân quen, gần bó

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên truyện, nhân vật (lời nói, việc làm của nhân vật),...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào Phiếu đọc sách tên truyện, nhân vật (lời nói, việc làm của nhân vật),...

- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chia sẻ hiểu biết về một dòng sông hoặc ao, hồ

- HS nghe GV hướng dẫn một vài điều em có thể chia sẻ với bạn hoặc người thân:
 - + Tên dòng sông hoặc ao, hồ.
 - + Vị trí của dòng sông hoặc ao, hồ.
 - + Đặc điểm nổi bật của dòng sông hoặc ao, hồ (màu nước, cảnh thiên nhiên,...).
 - + ...
- HS thực hành chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ.
- HS thực hành cùng người thân ở nhà.

BÀI 3: CON ĐƯỜNG LÀNG (tiết 11 – 14, SHS, tr.18 – 20)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về con đường quen thuộc với em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Vào mỗi buổi trong ngày, con đường làng đều có vẻ đẹp riêng. Ai đi xa cũng nhớ về con đường mình luôn gắn bó; biết liên hệ bản thân: Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của con đường thân quen*; hoàn thành được các câu nói về con đường em mơ ước.
3. Viết đúng chữ R hoa và câu ứng dụng.
4. Nhận diện và sử dụng được từ ngữ chỉ sự vật (cây cối), dấu phẩy.
5. Bước đầu có thể đóng vai hướng dẫn viên và giới thiệu về con đường nơi mình ở.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi 2 khổ thơ đầu.
- Mẫu chữ viết hoa R.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.
- HS mang tới lớp ảnh con đường nơi em ở/ con đường quen thuộc với em (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về con đường quen thuộc với em: tên con đường, cảnh đẹp của con đường,...

- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Con đường làng*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: cảnh vật được nhắc đến, vẻ đẹp của cảnh vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc chậm rãi, thiết tha).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *rộp*, *lững lững*, *lững lựng*, ...; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *mơ màng* (thấy phảng phất, không rõ ràng, trong trạng thái mơ ngủ hay tựa như mơ ngủ), *lững lững* (rất tròn, đẹp), *vất vèo* (ở trên cao nhưng không có chỗ dựa vững chắc), *rộp* (có nhiều bóng mát), *thiết tha* (có tình cảm thấm thiết làm cho gắn bó hết lòng, luôn luôn nghĩ đến, quan tâm đến), ...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (GV có thể giải thích thêm: *bắt vần/ hiệp vần*: làm cho câu thơ có vần với nhau).
- HS nêu nội dung bài đọc: *Vào mỗi buổi trong ngày, con đường làng đều có vẻ đẹp riêng. Ai đi xa cũng nhớ về con đường mình luôn gắn bó.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của con đường thân quen.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại 2 khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp 2 khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Con đường mong ước*.

– HS xác định yêu cầu BT – hoàn thành các câu gợi ý thể hiện mong ước của mình
(Lưu ý: khích lệ HS nêu suy nghĩ, mong muốn của bản thân, không gò ép; HS có thể nói theo tưởng tượng của mình, GV chỉnh sửa, khích lệ những tưởng tượng độc đáo).

– HS trao đổi trong nhóm, thực hiện BT.

– HS nghe một vài HS trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ R hoa

– HS quan sát mẫu chữ R hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ R hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ R hoa.

– HS viết chữ R hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ R hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Rừng vàng biển bạc*.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ R hoa và cách nối từ chữ R hoa sang chữ *ư*.

– HS quan sát cách GV viết chữ *Rừng*.

– HS viết chữ *Rừng* và câu ứng dụng *Rừng vàng biển bạc* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

Ruộng vườn mặc sức chim bay

Biển hồ lai láng, cá bầy đua bơi.

Ca dao

– HS viết chữ R hoa, chữ *Ruộng* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3a, đọc đoạn thơ.

– HS thảo luận nhóm, tìm từ ngữ chỉ cây cối có trong đoạn thơ.

– HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS tìm từ ngữ chỉ cây cối trong nhóm 4 bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 từ ngữ. Thống nhất kết quả trong nhóm.
- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ, trả lời các câu hỏi a, b, c.
- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về con đường nơi em ở theo gợi ý: tên, cảnh vật, hoạt động,...*
- HS nghe GV hướng dẫn những nội dung có thể giới thiệu:
 - + Tên con đường.
 - + Cảnh vật, hoạt động trên đường và hai bên đường.
 - + ...
- Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ ở lớp trước khi trao đổi với người thân ở nhà.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: BÊN CỬA SỔ (tiết 15 – 20, SHS, tr.21 – 25)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn những cảnh vật em nhìn thấy qua khung cửa nhà mình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Bên khung cửa sổ nhà mình, Hà thấy được nhiều âm thanh và cảnh đẹp. Đây cũng là nơi bà thường đọc truyện cho Hà nghe; biết liên hệ bản thân: Yêu thương, giữ gìn tình gốc nhỏ thân quen của ngôi nhà mình ở.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; viết hoa tên địa lí; phân biệt *ch/tr*, *ong/ông*.

4. Mở rộng được vốn từ về nơi thân quen (từ ngữ chỉ tình cảm với nơi thân quen); dấu chấm, dấu phẩy; đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào? Lúc nào? Bao giờ?*
5. Kể được truyện *Khu vườn tuổi thơ* đã đọc.
6. Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã chứng kiến theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về nơi thân quen, gắn bó.
8. Thực hiện được trò chơi *Hoạ sĩ nhí*; đặt được tên và giới thiệu được bức vẽ với người thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Còn về đêm* đến hết.
- Tranh ảnh, video clip truyện *Khu vườn tuổi thơ* (nếu có).
- Thẻ từ để tổ chức trò chơi.
- HS mang tới lớp tranh ảnh cửa sổ nhà em, một bài đã tìm đọc về nơi thân quen, gắn bó, chuẩn bị bút màu và vật dụng để vẽ tranh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn những cảnh vật em nhìn thấy qua khung cửa nhà mình: bầu trời, cây cối,...
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: cảnh vật, người,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bên cửa sổ*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, âm thanh, hoạt động. Câu cảm đọc giọng thiết tha.)
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chui, vàng, lọc, nắng, chao, đi, rơi, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Lát sau, / đàn chim chao cánh bay đi / nhưng tiếng hót như động mãi / giữa bầu trời ngoài cửa sổ. //; Còn về đêm, / trắng khi thì như chiếc thuyền vàng trôi trong mây / trên bầu trời ngoài cửa sổ, / lúc thì như chiếc đèn lồng / thả ánh sáng xuống đầy sân. //; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *rọi* (ánh sáng chiếu thẳng vào), *dát vàng* (gắn thêm từng mảnh vàng trên bề mặt, thường để trang trí), *chui* (tập hợp gồm nhiều vật nhỏ cùng loại, có hình dạng gần giống nhau, xâu thành dây), *chao* (ngiêng nhanh từ bên này sang bên kia và ngược lại),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Bên khung cửa sổ nhà mình, Hà thấy được nhiều âm thanh và cảnh đẹp. Đây cũng là nơi bà thường đọc truyện cho Hà nghe.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu thương, giữ gìn từng góc nhỏ thân quen của ngôi nhà mình ở.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Còn về đêm* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Còn về đêm* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *dát vàng, chui, lọc, ...* hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dát, giữa.*

– HS nghe GV đọc từng cụm từ để viết vào VBT. (GV hướng dẫn HS: đầu dòng lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập viết tên riêng địa lí

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS nói với bạn tên 2 – 3 đường phố hoặc làng xã mà em biết.

– HS viết tên 2 – 3 đường phố hoặc làng xã vào VBT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt ch/tr, ong/ông

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ (Đáp án: từ chỉ người: chú, cháu, chồng, ...; từ chỉ cây cối: trúc, tràm, cỏ tranh, tràng leo, cây trâm, cây trâm bầu, bông trang (phương ngữ chỉ cây mẫu đơn), ...; từ chỉ đồ vật: cái văng, cái chõng, chong chóng, ...; từ chỉ con vật: con gà trống, cá rồng rồng, ...).

- HS chơi tiếp sức thực hiện BT trên bảng lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS giải nghĩa hoặc đặt câu với một số từ ngữ tìm được.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết các từ ngữ tìm được vào VBT. Chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ (Đáp án: *thân quen, thân thiết, thân thuộc, thân thương, quen thuộc, quen thân, thiết tha, tha thiết*).
- HS chơi tiếp sức viết các từ ngữ.
- HS giải nghĩa hoặc đặt câu với một số từ ngữ tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

4.1. Dấu chấm, dấu phẩy

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc đoạn văn.
- HS chọn dấu câu phù hợp với mỗi ô trống (Đáp án: *dấu phẩy, dấu phẩy, dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm*).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- HS chơi tiếp sức để điền các dấu câu phù hợp vào ô trống, thực hiện vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu câu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Đặt và trả lời câu hỏi Khi nào?, Lúc nào?, Bao giờ?

- HS xác định yêu cầu của BT 4b, đọc mẫu.
- HS đặt và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.
- Một số nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS viết câu hỏi vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Kể chuyện (Đọc – kể)

5.1. Đọc lại truyện Khu vườn tuổi thơ

- HS đọc lại truyện *Khu vườn tuổi thơ* để nhớ lại nội dung truyện: nhân vật, sự việc, ...

5.2. Sắp xếp các bức tranh theo đúng trình tự sự việc

- HS quan sát, nói về nội dung từng bức tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để sắp xếp các bức tranh theo đúng trình tự sự việc trong truyện (Đáp án: 2 – 3 – 1 – 4).

5.3. Kể từng đoạn câu chuyện theo tranh

- HS quan sát tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- HS sử dụng tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ.
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập thuật việc được chứng kiến

6.1. Nói về một việc làm hằng ngày của thầy cô

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát tranh và đọc các gợi ý.
- Nêu tên việc làm của thầy cô và các bước thầy cô thực hiện công việc mà em chọn kể.
- HS nói trong nhóm đôi, trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói.

6.2. Viết về một việc làm hằng ngày của thầy cô

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết đoạn văn vào VBT.
- HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đã đọc về nơi thân quen, gần gũi

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, thông tin mới, nơi được nhắc đến, cảm xúc của em sau khi đọc bài,...

– HS hỏi đáp cùng bạn về thông tin em muốn biết thêm trong bài đọc bạn chia sẻ.

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, nơi được nhắc đến, thông tin mới, cảm xúc của em sau khi đọc bài.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Hoạ sĩ nhí

2.1. Vẽ về nơi em thích trong ngôi nhà của mình

– HS xác định yêu cầu của BT 2a.

– HS vẽ tranh về nơi em thích trong ngôi nhà của mình.

2.2. Đặt tên và giới thiệu bức vẽ

– HS nghe GV hướng dẫn những nội dung có thể giới thiệu với người thân:

+ Tên bức vẽ.

+ Lí do đặt tên bức vẽ.

+ Nội dung bức vẽ.

+ ...

– Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ ở lớp trước khi trao đổi với người thân ở nhà.

– HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét tên em đặt cho bức vẽ.

CHỦ ĐIỂM 10: BỐN MÙA TƯƠI ĐẸP (TUẦN 21 – 22)

Chủ điểm *Bốn mùa tươi đẹp* hướng đến việc hình thành cho HS phẩm chất *yêu thiên nhiên*; giáo dục HS có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây cối, cảnh vật xung quanh mình.

BÀI 1: CHUYỆN BỐN MÙA (tiết 1 – 4, SHS, tr.26 – 28)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được tên các mùa trong năm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Mỗi mùa trong năm đều có vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, cảnh vật bốn mùa*; kể được tên một số loại hoa, quả thường có trong mỗi mùa.
3. Viết đúng chữ S hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của các mùa; đặt được câu về đặc điểm của sự vật; đặt và trả lời được câu hỏi về hình dáng của sự vật.
5. Nói được 1 – 2 câu về một mùa mình thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về vẻ đẹp bốn mùa, hoa quả trong các mùa (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Các cháu đến đáng yêu*.
- Mẫu chữ viết hoa S.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 3 để tổ chức cho HS làm BT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Bốn mùa tươi đẹp*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về tên của các mùa mà em biết: mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông, mùa nắng, mùa mưa,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chuyện bốn mùa*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc, nhân vật, lời nói, hành động của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của từng mùa, giọng nàng Đông buồn bã, giọng nàng Xuân vui tươi, giọng nàng Thu nhỏ nhẹ, giọng nàng Hạ tinh nghịch, giọng bà Đất hiền từ).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *sung sướng, lộc*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ ở một số câu dài, nhấn giọng ở một số từ ngữ: Nhưng phải có năng của em Hạ/ cây trong vườn/ mới đem trái ngọt.//, Cháu có công đắp ủ mầm sống/ để cây cối đâm chồi/ nảy lộc.//,...

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *lộc* (chồi lá non),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Mỗi mùa trong năm đều có vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, cảnh vật bốn mùa.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Các cháu* đến *đáng yêu*.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, đọc trước lớp đoạn từ *Các cháu* đến *đáng yêu*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Hoa thơm trái ngọt*.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ nêu tên một số loài hoa, quả thường có ở mỗi mùa (Gợi ý: mùa xuân: *hoa đào, hoa mai, cam, quýt*; mùa hè: *hoa phượng, hoa bằng lăng, quả vải*; mùa thu: *hoa cúc, quả hồng, quả bưởi, quả xoài*; mùa đông: *hoa dong riềng*,... GV có thể lưu ý: có những loại hoa quả có trong 4 mùa: *chuối, mướp, gừng, củ cải, củ cải trắng*,... Ở miền Bắc: sen nở vào mùa hè, còn ở miền Nam: sen nở vào mùa khô,... Hiện nay, nhờ kỹ thuật lai tạo giống, có những loài hoa quả có ở cả 4 mùa, VD: *hoa cúc, cam, xoài, bưởi*. Lưu ý: ở miền Nam chỉ có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô, GV không gò ép HS nói theo 4 mùa ở miền Bắc và GV có thể mở rộng cho HS ở miền Bắc/ miền Nam biết về hoa, quả ở mỗi vùng miền theo mùa).

– HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả (GV có thể tổ chức trò chơi tiếp sức/ truyền điện).

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ S hoa

– HS quan sát mẫu chữ S hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ S hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ S hoa.

– HS viết chữ S hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ S hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Sông dài biển rộng*.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ S hoa, cách nối nét từ chữ S hoa sang chữ ô.

– HS quan sát cách GV viết chữ *Sông*.

– HS viết chữ *Sông* và câu ứng dụng *Sông dài biển rộng* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Làng Chợ đẹp lắm ai ơi
Sông sâu tắm mát trên đồi nương ngô.
Ca dao*

– HS viết chữ S hoa, chữ *Sông* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3a.

– HS đọc và chọn những đám mây có từ ngữ chỉ đặc điểm, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ (Đáp án: *trắng muốt, mát mẻ, trong vắt, xanh ngắt, rực rỡ, tươi tốt*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3b.

– HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ đặc điểm của cảnh vật trong các mùa theo nhóm nhỏ.

– HS giải nghĩa và đặt câu với một số từ ngữ vừa tìm được.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, quan sát tranh.
- HS đặt câu trong nhóm đôi.
- HS viết 1 – 2 câu vừa đặt vào VBT và chia sẻ kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b, đọc mẫu và quan sát tranh.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi (Đáp án gợi ý: *ngà voi cong cong, thân cây thẳng đuột, dây leo xoắn tít, ...*).
- HS viết vào VBT 1 cặp câu hỏi và trả lời (theo mẫu).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về một mùa em thích.*
- HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.
- HS nói trước lớp và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về một mùa em thích, lí do em thích và những hoạt động em thích làm vào mùa đó.

BÀI 2: ĐÀM SEN (tiết 5 – 10, SHS, tr.29 – 33)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được về một loài hoa mà em biết theo gợi ý; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Vẻ đẹp của đầm sen và hoạt động hái sen*; biết liên hệ bản thân: *Trân trọng, yêu quý người lao động, yêu và bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *êu/uê; l/n, in/inh.*
4. Mở rộng được vốn từ về bốn mùa (từ ngữ chỉ đặc điểm thời tiết); đặt được câu hỏi *Vì sao? Do đâu? Nhờ đâu?*
5. Biết nói và đáp lời mời, lời khen ngợi.
6. Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã chứng kiến theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về bốn mùa.
8. Trao đổi được về 1 – 2 món ăn làm từ sen.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về đầm sen, hoạt động hái sen (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn 2, 3.
- HS mang tới lớp bài thơ tả cảnh đẹp của một mùa trong năm đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về một loài hoa mà em biết.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: sự vật, hình ảnh, màu sắc,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đầm sen*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *khoan khoái, ngọt ngát, mừng, tấm tắc*,...
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *đầm* (khoảng trũng to và sâu ở giữa đồng để giữ nước), *mừng* (một loại thuyền nhỏ, tròn, đan bằng tre), *khoan khoái* (có cảm giác thoải mái, dễ chịu), *tấm tắc* (luôn miệng nói lời khen ngợi),...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Vẻ đẹp của đầm sen và hoạt động hái sen*.
- HS liên hệ bản thân: *Trân trọng yêu quý người lao động; yêu và bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp*.

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn 2, 3.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn 2, 3.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *rẽ, dậu, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dậu, ...*
- HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt êu/ê; l/n, in/inh

2.2.1. Phân biệt êu/ê

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS đọc các từ ngữ, thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp (Đáp án: *cải lê, áo thêu hoa, hoa huê, tập đi đều).*
- HS đọc lại các từ ngữ đã điền vần.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt l/n, in/inh

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS đọc đoạn thơ, thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ *l/n*: *nắng, lá, lên*; vần *in/inh*: *trình, linh, chín*).
- HS đọc đoạn thơ đã điền *l/n* hoặc vần *in/inh*.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm 4 bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm từ cho một mùa. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: *mùa xuân, mùa thu, mùa mưa, mùa khô*).
- HS đọc lại đoạn văn sau khi đã điền từ ngữ.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu hỏi đặt theo yêu cầu.
- HS viết vào VBT 3 câu hỏi vừa đặt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Nói và nghe

5.1. Nói lời mời

- HS xác định yêu cầu của BT 5a, quan sát tranh.
- HS nói lời mời trong nhóm đôi.
- HS nói lời mời đã trao đổi trong nhóm đôi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời khen ngợi

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc các tình huống.
- HS đóng vai bà và mẹ của Minh, nói và đáp lời khen ngợi phù hợp với mỗi tình huống.
- Một vài nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Ta thường nói lời khen ngợi khi nào?*
 - + *Khi nhận được lời khen ngợi, em cần đáp với thái độ thế nào? Vì sao?*
 - + *Khi nói và đáp lời khen ngợi, cần chú ý điều gì (giọng nói, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, ...)?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập thuật việc được chứng kiến (tiếp theo)

6.1. Sắp xếp các câu thành đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS thực hiện BT và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi (Đáp án: 2 – 4 – 5 – 3 – 1).
- Một vài HS trình bày trước lớp.
- HS trình bày cách thuật việc được chứng kiến.

6.2. Tìm hiểu nội dung đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp, rút ra lưu ý khi viết đoạn văn thuật việc (dùng các từ ngữ nói về trình tự thực hiện công việc).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.3. Viết về công việc hằng ngày của một người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 6c.
- HS viết 4 – 5 câu về công việc hằng ngày của một người thân vào VBT (*Lưu ý: Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết*).
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về bốn mùa

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên bài thơ, tác giả, tên mùa, vẻ đẹp,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ, tác giả, tên mùa, vẻ đẹp,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Trao đổi về món ăn làm từ sen

- HS nghe GV hướng dẫn một vài điều em có thể chia sẻ với người thân:
 - + Tên món ăn.
 - + Các thành phần của món ăn.
 - + Hương vị của món ăn.
 - + ...
- HS có thể thực hiện ở lớp, nếu có thời gian (GV lưu ý HS chọn từ xưng hô đúng khi đóng vai).
- HS thực hành ở nhà với người thân.

BÀI 3: DÀN NHẠC MÙA HÈ (tiết 11 – 14, SHS, tr.34 – 36)

I. MỤC TIÊU

1. Giải được câu đố về các mùa; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp thú vị của thiên nhiên mùa hè, bày tỏ tình yêu vạn vật quanh mình, thiên nhiên thanh bình*; biết liên hệ bản thân: *Yêu mến mùa hè, vạn vật quanh mình*; nêu được một số từ ngữ chỉ đặc điểm của bầu trời, cây cối, hoa quả mùa hè.
3. Viết đúng chữ *T* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm, câu kể và dấu chấm.
5. Nói được những âm thanh mình yêu thích vào mùa hè.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về cảnh vật mùa hè, về 2 nhạc cụ: nhị, hồ và cảnh nghệ sĩ dùng nhị, hồ trong dàn nhạc (nếu có); băng nhạc bài hát về mùa hè (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa *T*.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3a.
- Bảng phụ ghi BT 3b.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đoán về các mùa (Đáp án: mùa xuân – mùa thu).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Dàn nhạc mùa hè*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: hình ảnh, màu sắc,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng vui nhộn).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *loa, nhịp chày, sóng đôi...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ; nhấn giọng một số từ ngữ biểu thị nội dung hoặc cảm xúc: *Tiếng chim cúc cu!; Cung trầm cung bồng!;* ...
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *nhị, hồ* (tên 2 loại nhạc cụ truyền thống), *cung* (đơn vị đo khoảng cách giữa các nốt nhạc) (GV có thể cho HS xem tranh nhị, hồ; xem video clip nghệ sĩ biểu diễn nhạc có dùng nhị, hồ), ...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp thú vị của thiên nhiên mùa hè, bày tỏ tình yêu vạn vật quanh mình, thiên nhiên thanh bình.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu mến mùa hè, vạn vật quanh mình.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại cả bài.

– HS luyện đọc lại trong nhóm nhỏ, trước lớp cả bài.

– HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ yêu thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).

– HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Sắc màu mùa hạ*.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ nêu đặc điểm của thiên nhiên mùa hạ (Gợi ý: bầu trời: *cao, xanh, đầy nắng, nắng vàng rực rỡ, nắng chói chang, ...*; cây cối: *xanh biếc, xum xuê, ...*; hoa quả: *kết trái, chín, vàng, đỏ, nâu, thơm, ngon, ...* Lưu ý: ở miền Nam, mùa hạ là mùa mưa, GV không gò ép HS nói theo 4 mùa ở miền Bắc. GV có thể mở rộng cho HS ở miền Bắc/ miền Nam).

– HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả (GV có thể tổ chức trò chơi tiếp sức/ truyền điện).

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ T hoa

– HS quan sát mẫu chữ T hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ T hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ T hoa.

– HS viết chữ T hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ T hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Tắc đất tắc vàng*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *T* hoa và cách nối từ chữ *T* hoa sang chữ *đ*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Tắc*.
- HS viết chữ *Tắc* và câu ứng dụng *Tắc đất tắc vàng* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Ai ơi về miệt Tháp Mười
Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn.
Ca dao*

- HS viết chữ *T* hoa, chữ *Tháp* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

3.1. Tìm từ ngữ không cùng nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện BT. Chia sẻ kết quả trước lớp bằng cách giơ thẻ từ (từ không cùng nhóm) (Đáp án: cụm mây màu xanh: *lạnh ngắt*, cụm mây màu vàng: *nâu đất*).

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm

- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm 4 bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*. Chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: *trong veo, vàng, nhỏ, tròn*. Lưu ý: GV giải thích thêm *màu ngọc bích – màu như màu ngọc bích*, còn *tan* và *say sưa* là từ ngữ chỉ trạng thái của sự vật, không phải từ ngữ chỉ đặc điểm vì chúng không chỉ màu sắc, không chỉ hình dáng, không chỉ tính tình).

- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS thảo luận nhóm đôi, chọn cách ngắt câu phù hợp.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS viết vào VBT đoạn văn đã ngắt câu, viết hoa đầu câu, đặt dấu chấm cuối câu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về những âm thanh em yêu thích vào mùa hè.*
- HS nghe GV hướng dẫn những nội dung có thể trao đổi với bạn:
 - + Những hoạt động em yêu thích.
 - + Lí do em yêu thích hoạt động đó.
 - + Cảm xúc của em khi thực hiện hoạt động.
 - + ...
- HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: MÙA ĐÔNG Ở VÙNG CAO (tiết 15 – 20, SHS, tr.37 – 41)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được về những hình ảnh em thấy trong bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả về đẹp của mùa đông ở vùng núi cao, bày tỏ tình yêu về đẹp thanh bình của thiên nhiên đất nước; biết liên hệ bản thân: Yêu quý về đẹp của mỗi mùa.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *d/gi; iu/iêu, oăn/oăng*.
4. Mở rộng được vốn từ về bốn mùa (từ ngữ chỉ sự vật và chỉ màu sắc); đặt được câu hỏi *Khi nào?*; ghép được từ ngữ thành câu, sắp xếp câu thành đoạn văn.
5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Sự tích mùa xuân và bộ lông trắng của thỏ* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã chứng kiến theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về bốn mùa.
8. Chia sẻ được điều mình biết về một mùa trong năm.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Khi những chiếc lá đào đến sương muối*.
- Thẻ từ để HS làm BT 3.
- Tranh ảnh, video clip truyện *Sự tích mùa xuân và bộ lông trắng của thỏ* (nếu có).
- HS mang tới lớp bài văn về bốn mùa đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những hình ảnh em thấy trong bức tranh.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: màu sắc, các loại cây và hoa có trong bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Mùa đông ở vùng cao*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng, xen lẫn sự yêu mến bức tranh thiên nhiên vùng cao vào mùa đông).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ùa, ngải đắng, tam giác mạch, ngọp trời,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ ở một số câu dài: *Rễ cây bám chặt lấy lớp đất chai cứng/ và ngã sang màu nâu đen/ vì sương muối.//; Cả dải núi,/ nương nhà này nối với nương nhà kia/ cứ bồng lên một màu tam giác mạch ngọp trời.//;...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sương muối* (hơi nước đóng băng thành các hạt nhỏ, trắng như muối), *tam giác mạch* (một loại cây lương thực được trồng ở miền núi), *cây ngải đắng* (còn gọi là cây ngải tây, thuộc họ cúc), *nương* (đất trồng trọt trên vùng đồi núi),...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Miêu tả về đẹp của mùa đông ở vùng núi cao, bày tỏ tình yêu về đẹp thanh bình của thiên nhiên đất nước.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của mỗi mùa.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Khi những chiếc lá đào đến sương muối*.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Khi những chiếc lá đào đến sương muối*.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn *Mưa cuối mùa*, trả lời câu hỏi về nội dung.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *giắc, chớp, sáng loà, ỉ ảm, ...*; hoặc do ngữ nghĩa: *giắc, gian*.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ để viết vào VBT (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học).
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt d/gi; iu/iêu, oăn/oăng

2.2.1. Phân biệt d/gi

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS đọc đoạn văn và chọn chữ *d* hoặc chữ *gi* thích hợp với mỗi  (Đáp án: *giữ, dằn, dòng*).
- HS thực hiện vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt iu/iêu, oăn/oăng

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: vằn iu/iêu: *mát diu, kì diêu, chim liều điều, hót liu lo; vằn oăn/oăng: dài ngoăng, ngoăn nghèo, nhanh thoăn thoắt, nói liền thoăng).*
- HS tự đánh giá bài làm của mình.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ và ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

- HS nói trước lớp câu hỏi đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS làm bài vào VBT và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS thực hiện yêu cầu của BT 4c, viết đoạn văn sau khi đã sắp xếp vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

SỰ TÍCH MÙA XUÂN VÀ BỘ LÔNG TRẮNG CỦA THỎ

1. Ngày xưa chỉ có ba mùa hạ, thu, đông và mọi loài thỏ đều có bộ lông màu xám. Có hai mẹ con nhà thỏ sống trong khu rừng nọ. Mỗi khi chuyển từ mùa đông rét buốt sang mùa hạ nóng nực, thỏ mẹ lại bị ốm. Nó ao ước có một mùa ấm áp.

2. Thỏ con nghe nói mùa ấm áp đó là mùa xuân. Nhưng mùa xuân chỉ đến khi có cầu vồng cùng muôn hoa chào đón. Thương mẹ, nó bàn với bác gấu:

- Ta làm một chiếc cầu vồng để đón mùa xuân...
- Nhưng bằng cách nào? – Bác gấu hỏi.
- Cháu sẽ rủ các bạn góp những chiếc lông đẹp nhất...

Tin truyền đi khắp nơi, chim muông góp những chiếc lông đẹp nhất, chim sâu kết lại làm cầu vồng bảy sắc.

3. Còn thỏ con đi tìm gặp từng loài hoa xin giúp đỡ. Cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của thỏ, các loài hoa đều hứa khi chị gió báo tin sẽ cùng nở.

Một buổi sáng cuối mùa đông, khi chim sâu dệt xong những mảng màu cuối cùng, cầu vồng xuất hiện. Chị gió nhanh chóng báo tin cho các loài hoa cùng nở. Thế là mùa xuân ấm áp về.

4. Từ đó, mặt đất có đủ bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Còn chú thỏ hiếu thảo, biết kết nối chim muông và các loài hoa để cùng đón xuân về được mùa xuân tặng một chiếc áo trắng tinh, mềm mại. Chiếc áo đó còn mãi đến bây giờ.

Theo Truyện cổ tích Việt Nam

Chim muông: *chim và thú (nói khái quát).*

5.1. Nghe kể chuyện

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.
- HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn của câu chuyện

- HS quan sát tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại từng đoạn câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ảnh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập thuật việc được chứng kiến

6.1. Nói về việc làm tốt của một người bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS nói trong nhóm đôi theo các câu hỏi gợi ý.
- Một vài nhóm trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về việc làm tốt của một người bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 4 – 5 câu về nội dung vừa nói ở BT 6a.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về bốn mùa

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tác giả, tên mùa, nét riêng của mùa,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào *Phiếu đọc sách* (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tác giả, tên mùa, nét riêng của mùa,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chia sẻ về một mùa trong năm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trao đổi trong nhóm đôi điều em biết về một mùa trong năm.
- HS nghe bạn trình bày và nhận xét.

CHỦ ĐIỂM 11: THIÊN NHIÊN MUÔN MÀU (TUẦN 23 – 24)

Chủ điểm *Thiên nhiên muôn màu* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm*; góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên: *yêu quý cây cối, con vật, sông suối, núi rừng, ...*; có ý thức tự giác tham gia hoạt động bảo vệ thiên nhiên: không phá tổ chim, không bẻ cành, hái hoa; cổ vũ những người bảo vệ thiên nhiên.

BÀI 1: CHUYỆN CỦA VÀNG ANH (tiết 1 – 4, SHS, tr.42 – 44)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về những âm thanh nghe được trong thiên nhiên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Kể về sự thay đổi tuyệt vời của vạn vật theo thời gian, bày tỏ sự yêu mến những thay đổi tuyệt vời đó*; biết liên hệ bản thân: *Quý trọng thời gian*; bước đầu biết đọc phân vai.
3. Viết đúng chữ U, U hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ con vật; đặt và trả lời được câu hỏi *Con gì?*.
5. Thực hiện được trò chơi *Ca sĩ nhí*; giới thiệu được về một loài chim có trong bài hát.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Rồi nó nói tiếp* đến hết.
- Mẫu chữ viết hoa U, U'.
- Tranh ảnh một số loài chim (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Thiên nhiên muôn màu*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về những âm thanh em nghe được trong thiên nhiên.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Chuyện của vàng anh*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, lời nói, việc làm của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: người dẫn chuyện giọng thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ suy nghĩ, hành động của chim vàng anh và các sự vật; giọng vàng anh ngạc nhiên, vui tươi; giọng lá non, cỏ non, hoa hồng hồn nhiên).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cội, sà xuống, ngậm, ngát hương, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Nó ngạc nhiên, / bởi có cái gì mới lắm, / lạ lắm.//; Chỉ qua một đêm, / lá vàng đã rụng xuống / cho lá non mọc lên.//; Còn tôi, / đêm qua, / tôi nằm mơ / thấy mình bay giữa đồng cỏ xanh.//; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sà* (bay thấp hẳn xuống hướng đến một chỗ nào đó), *đóa* (từ chỉ riêng từng bông hoa), *ngát hương* (mùi thơm dễ chịu và lan tỏa ra xa), *cội* (gốc cây to lâu năm),...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Kể về sự thay đổi tuyệt vời của vạn vật theo thời gian, bày tỏ sự yêu mến những thay đổi tuyệt vời đó.*
- HS liên hệ bản thân: *Quý trọng thời gian.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Rồi nó nói tiếp* đến hết.

– HS luyện đọc lời nói của vàng anh, của cô non và hoa hồng; luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Rồi nó nói tiếp* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Giọng ai cũng hay*.

– HS cùng bạn đọc phân vai trong nhóm nhỏ (GV tổ chức cho HS thay vai khi đọc, không yêu cầu đọc diễn cảm).

– HS nghe một vài nhóm đọc phân vai trước lớp và nghe GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ U, U hoa

– HS quan sát mẫu chữ U hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ U hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ U hoa.

– HS quan sát và so sánh chữ U hoa và chữ U hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ U hoa.

– HS viết chữ U, U hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ U, U hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Uống nước nhớ nguồn*.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ U hoa, cách nối nét từ chữ U hoa sang chữ ô.

– HS quan sát cách GV viết chữ *Uống*.

– HS viết chữ *Uống* và câu ứng dụng *Uống nước nhớ nguồn* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Uốn cây từ thuở còn non
Dạy con từ thuở con còn ngây thơ.
Ca dao*

– HS viết chữ U hoa, chữ *Uốn* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS tìm từ ngữ chỉ con vật theo yêu cầu, chia sẻ kết quả trong nhóm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS chơi tiếp sức thực hiện BT (Đáp án: *Hót như khướu; Nhanh như sóc; Chậm như rùa; Khoẻ như voi; Dữ như cop*).
- HS tìm thêm một số từ ngữ chỉ con vật mà em biết.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS chơi trò chơi *Đôi bạn* (bạn hỏi được chọn một bạn trả lời) để đặt và trả lời câu hỏi về một con vật tìm được ở BT 3.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT 1 cặp câu hỏi và trả lời (theo mẫu).
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Ca sĩ nhí*.
- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi.
- HS chia làm 2 đội, hát đôi đáp các bài hát có tên loài chim. (Gợi ý: *Con cò bé bé, Chim vành khuyên, Chim chích bông...*)
- Một HS được phân công làm trọng tài, nhận xét 2 đội về việc thực hiện yêu cầu/ luật chơi.
- HS giới thiệu về một loài chim có trong bài hát.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: ONG XÂY TỔ (tiết 5 – 10, SHS, tr.45 – 49)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về nơi ở của các con vật em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Nhờ đoàn kết, làm việc có kỉ luật, ong xây được tổ vững chắc*, biết liên hệ bản thân: *Yêu quý mọi vẻ đẹp của tự nhiên; biết đoàn kết, gắn bó, giữ gìn kỉ luật*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *ua/uơ*; *r/d/gi*, *ên/ênh*.
4. Mở rộng được vốn từ về thiên nhiên (từ ngữ chỉ tên các mùa, các tháng của từng mùa); đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào?*.
5. Biết nói và đáp lời đồng ý, lời không đồng ý.
6. Nhận diện được kiểu bài thuật việc đã tham gia.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về thiên nhiên.
8. Thực hiện được trò chơi *Nhà thơ nhí*; nói 1 – 2 câu về một loài vật được nhắc đến trong bài thơ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số loài ong, ong mật xây tổ (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Còn những bác ong thợ già đến hết*.
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 2b để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp truyện về thiên nhiên đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về nơi ở của các con vật em biết.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Ong xây tổ*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chuối, sấp, xộp, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sáp* (chất mềm không thấm nước, được một số sâu bọ tạo ra để xây tổ), *hổ* (chất dính được làm từ bột và nước khuấy chín, dùng để dán), *xốp* (không chắc, nhẹ, có nhiều lỗ hồng bên trong),...

– HS nghe GV giải thích thêm:

+ Ong trong bài đọc là ong mật – loài ong thường làm tổ ở các hốc cây, hốc đá; có thể bắt về nuôi để lấy mật.

+ Ong thợ: những con ong cái mà bộ phận sinh dục bị thoái hoá, không có khả năng thụ tinh. Ong thợ thực hiện tất cả công việc của đàn ong: bảo vệ tổ, sản sinh sữa chúa để nuôi ấu trùng, hút mật hoa luyện thành mật ong.

– HS luyện đọc một số câu dài: *Rồi từng chú ong thợ trẻ/ lần lượt rời khỏi hàng,/ lấy giọt sáp dưới bụng/ trộn với nước bọt/ tạo thành một chất đặc biệt/ để xây tổ.//; Còn những bác ong thợ già,/ những anh ong non thì dùng sức nóng của mình/ sưởi ấm cho những giọt sáp/ đã nhào nước bọt của ong thợ trẻ.//; ...*

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Nhờ đoàn kết, làm việc có kỉ luật, ong xây được tổ vững chắc.*

– HS biết liên hệ bản thân: *Yêu quý mọi vẻ đẹp của tự nhiên; biết đoàn kết, gắn bó, giữ gìn kỉ luật.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Còn những bác ong thợ già* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Còn những bác ong thợ già* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *chui, lần lượt, sáp, ...*; hoặc do ngữ nghĩa: *giọt*.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học.)

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ua/uơ; r/d/gi, ên/ênh

2.2.1. Phân biệt ua/uơ

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.
– HS đánh vần: u-a-ua; u-ơ-uơ (*Lưu ý*: Đây là cặp vần khó, HS thường nhầm lẫn, GV nên cho HS thực hiện hoạt động đánh vần).

– HS đọc những từ ngữ có trong các tổ ong và chọn tổ ong có từ ngữ viết đúng (Đáp án: *xua tay, hươu vòi, khuê nước, muôn thuở*; từ ngữ viết sai: *tuó ra* – chữa lại: *túa ra*). GV có thể giải thích thêm “tuó” không có nghĩa; còn “túa”: kéo nhau ra nơi nào đó cùng một lúc rất đông, không có trật tự (thường dùng trong khẩu ngữ), VD: bay tua ra, chạy tua ra. Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý thêm: như những ngôn ngữ khác, tiếng Việt có những trường hợp đọc được nhưng không có nghĩa, VD: ã, hĩ, hẹm,... Trong dạy học tiếng, những trường hợp này thường được chú ý khai thác để kiểm tra khả năng giải mã âm – chữ – nghĩa của HS.

– HS giải nghĩa một số từ ngữ và đặt câu (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt r/d/gi, ên/ênh

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS lựa chọn BT *r/d/gi* hoặc *ên/ênh*, thực hiện BT vào VBT.

– HS chữa bài bằng hình thức chơi tiếp sức.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận nhóm nhỏ để kể tên các tháng và xếp các tháng theo mùa. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

4.1. Tìm từ ngữ trả lời câu hỏi Khi nào?

– HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc đoạn văn.

– HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi để tìm từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* trong từng câu.

– HS trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét câu.

4.2. Chọn từ ngữ phù hợp để thay thế

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thảo luận, chọn từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* thay cho trong nhóm đôi.
- HS làm bài vào VBT.
- HS đọc lại câu văn sau khi đã điền từ ngữ, so sánh với câu ban đầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS quan sát tranh và đọc lời của các nhân vật trong tranh.
- HS đóng vai để nói và đáp lời đồng ý phù hợp với tình huống.
- Một số nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời không đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, đọc các tình huống.
- HS phân vai anh trai, bạn của em và em để nói và đáp lời không đồng ý phù hợp với mỗi tình huống.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Ta thường đáp lời không đồng ý khi nào?*
 - + *Khi không đồng ý, em cần đáp với thái độ thế nào? Vì sao?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Thuật việc được tham gia

6.1. Nói về việc làm của mỗi người trong tranh

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS quan sát và nói về việc làm của mỗi người trong tranh theo nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về việc dọn dẹp nhà cửa để đón Tết của gia đình em

- HS xác định yêu cầu của BT 6b và đọc các câu hỏi gợi ý.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để trả lời theo các câu hỏi gợi ý.
- HS viết nội dung đã nói vào VBT.

- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện, tác giả, nhân vật (hoạt động, đặc điểm), cảm xúc,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện, tác giả, nhân vật (hoạt động, đặc điểm), cảm xúc,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Nhà thơ nhí

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS thi đọc các bài thơ về loài vật.
- HS nói 1 – 2 câu về con vật có trong bài thơ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 3: TRÁI CHÍN (tiết 11 – 14, SHS, tr.50 – 52)

I. MỤC TIÊU

1. Giải được câu đố về các loại trái cây; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả về đẹp, đặc điểm riêng của các loại trái cây khi chín*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình*; biết nêu màu sắc của một số loại hoa, quả thường gặp và nói được câu tả màu sắc của loại hoa, quả đó.
3. Viết đúng chữ V hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ màu sắc; điền đúng dấu chấm, dấu chấm than và đặt được câu thể hiện sự ngạc nhiên.
5. Thực hiện được trò chơi *Nhìn hình đoán trái*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi khổ thơ thứ hai và ba.
- Mẫu chữ viết hoa V.
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.
- Thẻ màu, ảnh hoặc vật thật một số loại trái cây.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thi đoán bạn về các loại trái cây mà em biết theo mẫu gợi ý.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Trái chín*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: tên gọi, đặc điểm riêng của mỗi loại trái cây có trong bài.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc thông thả, vui tươi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xì xì, chín, tàn nhang, lấm chấm, xa-pô-chê, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *lấm chấm* (có nhiều chấm nhỏ rải rác), ...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài: *Miêu tả vẻ đẹp, đặc điểm riêng của các loại trái cây khi chín.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại khổ thơ thứ hai và ba.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp khổ thơ thứ hai và ba.
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).

- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Bảng màu kì diệu*.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ: nêu màu sắc của hoa hồng, thanh long, xoài, hoa lay ơn; nói câu tả màu sắc của một loài hoa hoặc quả mình chọn (*Lưu ý*: HS có thể chọn màu hồng vàng, đỏ, tím, xanh; xoài: màu vàng (xoài cát, xoài thanh ca, xoài thơm), màu xanh (xoài tượng, xoài Thái);... GV không gò ép HS theo những màu thường thấy, chỉ nhắc nhở hướng dẫn khi HS chọn/ nói màu, câu có nội dung ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục).
- HS thực hiện vào VBT.
- HS nghe một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả (GV có thể tổ chức trò chơi tiếp sức/ truyền điện).

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ V hoa

- HS quan sát mẫu chữ V hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ V hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ V hoa.
- HS viết chữ V hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ V hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Văn hay chữ tốt*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ V hoa, cách nối nét từ chữ V hoa sang chữ ă.
- HS quan sát cách GV viết chữ Văn.
- HS viết chữ Văn và câu ứng dụng *Văn hay chữ tốt* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Việt Nam đẹp khắp trăm miền
Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
Lê Anh Xuân*

- HS viết chữ V hoa, chữ Việt và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát tranh và tìm từ ngữ chỉ màu sắc cho các sự vật trong tranh; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ (Đáp án: *hoa sen hồng nhạt/ hồng tươi/ hồng phớt..., hoa cúc vàng tươi/ vàng rực/ vàng như nắng..., con sóc nâu/ nâu nâu/ nâu đỏ..., con bò vàng/ lông vàng sậm..., con quạ đen/ đen thui/ đen nhánh/...* Lưu ý: HS có thể nêu từ ngữ chỉ màu sắc theo năng lực quan sát của từng em, GV ghi nhận, khuyến khích, không gò ép HS nêu theo từng từ).

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

4.1. Đặt câu có từ ngữ chỉ màu sắc

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc lại các từ ngữ ở BT 3.
- HS đặt câu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết 1 – 2 câu vừa đặt vào VBT.

4.2. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm than

- HS xác định yêu cầu của BT 4b, đọc thầm đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm đôi, xác định vị trí đặt dấu chấm hoặc dấu chấm than phù hợp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS đọc lại đoạn văn sau khi đã điền dấu câu.

4.3. Viết câu có sử dụng dấu chấm than

- HS xác định yêu cầu của BT 4c.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Nhìn hình đoán trái.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi.
- HS quan sát hình gợi ý, nêu tên của một số loại trái cây có màu sắc, hình dáng tương tự như hình gợi ý. VD: hình tròn, màu cam → quả cam, ...

– HS nêu cảm nghĩ sau khi chơi trò chơi hoặc nói về đặc điểm riêng của một loại trái cây mà em thích.

BÀI 4: HOA MAI VÀNG (tiết 15 – 20, SHS, tr.53 – 57)

I. MỤC TIÊU

1. Giải được các câu đố về một loài hoa em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp của hoa mai vàng – loài hoa tiêu biểu cho Tết ở miền Nam*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên tươi đẹp*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *ao/oa; ch/tr; ich/it*.
4. Mở rộng được vốn từ về thiên nhiên (từ ngữ chỉ màu sắc); đặt được câu có từ ngữ chỉ màu sắc của cây cối hoặc con vật.
5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Sự tích cá thồn bơn* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Viết được 4 – 5 câu thuật việc được tham gia theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về thiên nhiên.
8. Kể được tên các con vật theo gợi ý.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Hoa mai cũng có năm cánh đến mười mà*.
- Tranh ảnh, video clip truyện *Sự tích cá thồn bơn* (nếu có).
- HS mang tới lớp một bài đọc về thiên nhiên đã tìm được.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đồ bạn về một loài hoa mà em thích.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Hoa mai vàng*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *phô, mượt mà, chùm, uyển chuyển, rập rờn, ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *phô* (để lộ ra), *đơm* (nảy ra từ trong cơ thể thực vật), ...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài: *Miêu tả vẻ đẹp của hoa mai vàng – loài hoa tiêu biểu cho Tết ở miền Nam.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên tươi đẹp.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Hoa mai cũng có năm cánh đến mượt mà.*

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Hoa mai cũng có năm cánh đến mượt mà.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo, VD: *xoè, hoa;* hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *phô, ngời, mịn màng, ...*

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ao/oa; ch/tr, ich/it

2.2.1. Phân biệt ao/oa

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ: đọc câu đố, giải câu đố (Đáp án: loa kèn, mào gà).

– HS so sánh vần *ao* và vần *oa*.

– HS tìm thêm từ ngữ chứa tiếng có vần *ao* hoặc vần *oa*, đặt câu với từ ngữ tìm được.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt ch/tr, ich/it

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c) và đọc câu mẫu.
- HS chọn BT *ch/tr* hoặc *ich/it* và đặt câu với từ cho trước.
- HS viết các câu đặt được vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc mẫu.
- HS trao đổi trong nhóm đôi, tìm từ ngữ phù hợp.
- HS đặt câu có từ ngữ vừa tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét. (Lưu ý: GV khuyến khích HS tìm thêm từ ngữ chỉ loài vật và đặc điểm ngoài tranh minh họa, khuyến khích HS nêu đặc điểm theo cách nhìn của các em, không áp đặt.)
- HS viết vào VBT 2 câu có từ ngữ chỉ màu sắc của cây cối hoặc con vật.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

SỰ TÍCH CÁ THỜN BƠN

1. Ngày xưa, các loài cá sống cùng nhau nhưng chẳng ai thèm chơi với ai. Các con lớn khoẻ thường ỷ mạnh, ức hiếp các con yếu. Một hôm, các loài cá bàn nhau tổ chức thi bơi để chọn con bơi nhanh nhất làm chúa tể. Chúng hi vọng chúa tể sẽ kịp thời đến cứu giúp những con yếu đuối.

2. Thờn bơn, một chú cá mình dẹt và hay ganh tị cũng tham dự cuộc thi. Nó cùng những con cá khác bơi vào bờ xếp hàng dự thi. Khi cá cò vẩy đuôi ra hiệu, tất cả đều xuất phát. Cá măng lao nhanh như tên bắn, theo sau là cá mè, cá bống mú,...

3. Bống nhiên có tiếng reo hò, cổ vũ:

- Cá mè dẫn đầu! Cá mè dẫn đầu rồi!
- Cá mè dẫn đầu rồi. Hoan hô cá mè!

Cá thờn bơn bơi mãi phía sau, nghe vậy vội lớn tiếng tỏ ý bất bình:

– Ai dẫn đầu?

Nhiều tiếng đáp lại, giọng đầy thán phục:

– Cá mè! Cá mè!

Anh chàng hay tị nạnh lại la to:

– Còn lâu nhé! Có thồn bơn ta đây...

4. Trời nghe thấy, bèn kéo miệng thồn bơn lệch sang một bên. Từ đây, họ hàng thồn bơn đều lệch miệng.

Theo Truyện cổ Gờ-rim (Grimm), Lương Văn Hồng dịch

5.1. Nghe kể chuyện

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát tranh và cụm từ gợi ý để kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS kể từng đoạn câu chuyện trong nhóm nhỏ (Lưu ý: GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể, phân biệt giọng các nhân vật).

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập thuật việc được tham gia

6.1. Nói về việc được tham gia

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, quan sát bức tranh và đọc gợi ý.

– HS kể những việc em thích làm.

- HS nói miệng về một việc làm em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về việc được tham gia

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đã đọc về thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tác giả, cảm xúc, thông tin,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tác giả, cảm xúc, thông tin,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Kể tên con vật theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi:
 - + Chia lớp thành 3 đội.
 - + Lần lượt các đội bắt thăm thẻ con vật (biết bay, biết bơi, chạy nhanh) để kể nhanh tên.
- HS chia sẻ với bạn về điều em thích ở các con vật đã kể tên.
- HS nghe GV tổng kết trò chơi.

CHỦ ĐIỂM 12: SẮC MÀU QUÊ HƯƠNG (TUẦN 25 – 26)

Chủ điểm *Sắc màu quê hương* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, trách nhiệm*; giúp HS nhận thức được sự giàu đẹp của quê hương, bước đầu thể hiện tình yêu quê hương, nơi mình sống bằng các việc làm cụ thể (kính trọng, biết ơn người lao động; tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi...).

BÀI 1: QUÊ MÌNH ĐẸP NHẤT (tiết 1 – 4, SHS, tr.58 – 60)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về cảnh đẹp nơi em sống; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Tình yêu quê hương của hai bạn nhỏ*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý quê hương*; biết đóng vai nhân vật để nói và đáp lời **cảm ơn** phù hợp.
3. Viết đúng chữ *X* hoa và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động; đặt được câu bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng.
5. Chọn được một bức tranh về cảnh đẹp thiên nhiên và nói được về bức tranh đó.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Cả hai reo lên đến bữa cơm chiều mẹ nấu quá.*
- Mẫu chữ viết hoa *X*.
- Bức tranh về cảnh đẹp thiên nhiên (tác phẩm của HS).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của mình về tên chủ điểm *Sắc màu quê hương*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về cảnh đẹp nơi mình sống (đó là cảnh gì, cảnh có gì đẹp, cảm xúc,...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Quê mình đẹp nhất*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, lời nói, hành động của các nhân vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc với giọng kể thông thả, phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động và cảm xúc của 2 bạn nhỏ).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ngỡ, công, sóng vỗ, sụt sùi...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Trong giấc mơ,/ Nguyên thấy mình và Thảo/ tình cờ gặp đám mây đang nằm ngủ /trên đỉnh núi.// Hai bạn nhẹ nhàng leo lên/ và ngỡ rằng đám mây sẽ công mình/ lên trời.//...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sụt sùi* (khóc, có tiếng nhỏ kéo dài, về ngâm ngùi),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tình yêu quê hương của hai bạn nhỏ.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý quê hương.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc đoạn từ *Cả hai reo lên đến bữa cơm chiều mẹ nấu quạ.*

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Cả hai reo lên đến bữa cơm chiều mẹ nấu quạ.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Lời hay ý đẹp.*

– HS chia nhóm, đóng vai nhân vật Nguyên và Thảo nói lời cảm ơn; chị gió và đại bàng đáp lời cảm ơn.

– HS nghe một vài nhóm trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ X hoa

– HS quan sát mẫu chữ X hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ X hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ X hoa.

- HS viết chữ *X* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *X* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Xuân về hoa nở*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *X* hoa và cách nối nét từ chữ *X* hoa sang chữ *u*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Xuân*.
- HS viết chữ *Xuân* và câu ứng dụng *Xuân về hoa nở* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Xuân về cánh én lượn bay
Trăm hoa đua nở ngất ngây lòng người.*
Đỗ Lan

- HS viết chữ *X* hoa, chữ *Xuân* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc đoạn văn, chơi tiếp sức tìm các từ ngữ chỉ con vật và hoạt động tương ứng trong đoạn văn.
- HS tìm câu bày tỏ cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng trong đoạn văn; chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ.
- HS tìm thêm một số từ chỉ người, vật và từ ngữ chỉ hoạt động của người, vật.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS chơi trò chơi đóng vai, nói câu bày tỏ cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết câu vừa nói vào VBT.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chọn một bức tranh về cảnh đẹp thiên nhiên và nói về bức tranh đó.*

- HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: RỪNG NGẬP MẶN CÀ MAU (tiết 5 – 10, SHS, tr.61 – 65)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được một vài điều em biết về rừng; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Cung cấp thông tin về hệ sinh thái phong phú của rừng ngập mặn Cà Mau – nơi cực Nam của Tổ quốc; biết liên hệ bản thân: Yêu quê hương, ham thích tìm hiểu về thế giới tự nhiên.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; viết đúng các tên riêng địa lí; phân biệt được *r/d/gi, im/iêm*.
4. Mở rộng được vốn từ về quê hương (từ ngữ chỉ sự vật, chỉ tình cảm đối với quê hương); đặt và trả lời được câu hỏi *Ở đâu?, Để làm gì?*.
5. Biết nói và đáp lời cảm ơn.
6. Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã tham gia theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về quê hương.
8. Thực hiện được trò chơi *Nhà nông nhĩ*; nói về một loài cây mà mình biết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về rừng (nếu có).
- Bảng phụ ghi 2 đoạn cuối.
- Thẻ từ để làm BT 3.
- HS mang tới lớp cuốn sách có bài thơ về quê hương đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn vài điều em biết về rừng (tên khu rừng, các sản vật của rừng, ích lợi của rừng, vẻ đẹp của rừng,...).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: rừng ở đâu, rừng có gì...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Rừng ngập mặn Cà Mau*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *rừng ngập mặn, đước, sủi vệt, rái cá, ba khía, rạch,...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *rừng ngập mặn* (rừng ở những cửa sông hoặc ven biển), *ba khía* (con cá sống ở vùng nước mặn, to bằng nắm tay), *chim di cư* (loài chim di chuyển theo mùa giữa nơi sinh ra và nơi tránh rét), *phù sa* (đất, cát mịn và có nhiều chất màu mỡ được cuốn trôi theo dòng nước),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Cung cấp thông tin về hệ sinh thái phong phú của rừng ngập mặn Cà Mau – nơi cực Nam của Tổ quốc.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quê hương, ham thích tìm hiểu về thế giới tự nhiên.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại 2 đoạn cuối.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp 2 đoạn cuối.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *rừng ngập mặn, rái cá,...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dừa, dưng, di,...*

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Viết hoa tên địa lí; Phân biệt r/d/gi, im/iêm

2.2.1. Viết hoa tên địa lí

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một vài HS nêu kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt r/d/gi, im/iêm

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ r/d/gi: quả dừa, rùa biển, hương đương, đôi giày; vần im/iêm: đàn chim, hồng xiêm, đường diêm, con nhím).
- Một vài HS nêu kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS chọn dòng phù hợp với nghĩa của từ *quê hương*. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS quan sát mẫu, chơi trò chơi xếp các từ ngữ theo nhóm (Đáp án: từ ngữ chỉ sự vật có ở quê hương: *bến cảng, rừng cây, đầm sen, mái đình, ruộng lúa, phố phường*; từ ngữ chỉ tình cảm đối với quê hương: *tự hào, thương nhớ, mến yêu, thân thương, thân thuộc*).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS giải thích nghĩa một số từ ngữ (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết vào VBT câu vừa đặt.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi để thay ☼ bằng từ ngữ trả lời câu hỏi *Ở đâu?* hoặc *Để làm gì?*
- HS nói trước lớp, nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS so sánh câu mới với câu ban đầu.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời cảm ơn

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.

- HS đọc lời các nhân vật trong tranh.
- HS đóng vai, nói trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Ta thường nói lời cảm ơn khi nào?*
 - + *Khi nhận được lời cảm ơn, em nên đáp với thái độ thế nào? Vì sao?*
 - + *Khi nói và đáp lời cảm ơn, cần chú ý điều gì (giọng nói, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...)?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Thực hành nói và đáp lời cảm ơn

- HS xác định yêu cầu của BT 5b.
- HS đóng vai để nói và đáp lời cảm ơn phù hợp với mỗi tình huống.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập thuật việc được tham gia

6.1. Nói về việc được tham gia

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS quan sát tranh, thảo luận và sắp xếp đúng thứ tự các tranh trong nhóm đôi (Đáp án: 2 – 4 – 3 – 1).
- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- Một vài HS nói về nội dung từng bức tranh theo yêu cầu của BT 6b.
- HS nghe bạn nói và nhận xét.

6.2. Viết về việc được tham gia

- HS xác định yêu cầu của BT 6c.
- HS viết 4 – 5 câu thuật lại việc trồng cây vào VBT (Khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết).
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về quê hương

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ (tác giả, tập thơ), điều em thích (từ ngữ, hình ảnh), cảm xúc,...

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ (tác giả, tập thơ), điều em thích (từ ngữ, hình ảnh), cảm xúc,...

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Nhà nông nhí

– HS xác định yêu cầu của hoạt động.

– HS thi kể tên các loài cây.

– HS nói trong nhóm về một loài cây mà em biết (tên, đặc điểm, lợi ích,...).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 3: MÙA LÚA CHÍN (tiết 11 – 14, SHS, tr.66 – 68)

I. MỤC TIÊU

1. Tìm được từ ngữ tả mùi hương của một loại cây, hoa, quả theo gợi ý; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp của đồng lúa chín và bày tỏ lòng biết ơn những người nông dân đã làm ra hạt lúa*; biết liên hệ bản thân: *Kính trọng, biết ơn người nông dân*; biết chia sẻ tranh (hoặc ảnh) về cảnh vật ở quê hoặc nơi mình sống, nói câu bày tỏ cảm xúc về cảnh vật đó.

3. Viết đúng chữ Y hoa và câu ứng dụng.

4. Tìm được từ ngữ chỉ sự vật và màu sắc tương ứng của sự vật; đặt được câu tả cảnh đẹp.

5. Thực hiện được trò chơi *Ca sĩ nhí*; nói được câu thể hiện cảm xúc của mình khi hát.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Mẫu chữ viết hoa Y.

– Bảng phụ ghi 2 khổ thơ đầu.

– Bảng phụ ghi các khổ thơ ở BT 3.

– Bài hát về mùa lúa chín.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn những từ ngữ tả mùi hương của một loại cây, hoa, quả (tên cây, hoa, quả, từ ngữ tả mùi hương,...).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Mùa lúa chín*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng tình cảm, chậm rãi, nhịp thơ 3/3, nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ vẻ đẹp của cánh đồng lúa chín và tình cảm của tác giả: *biển vàng, thoang thoang, say say, rầm rì, rung rinh, xáo động, quyen, menh mang*,...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *say say, đàn ri đá, rầm rì, rung rinh, rặng cây, quyen*,...; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *biển vàng* (*biển*: từ chỉ vùng nước mặn rộng lớn nói chung trên bề mặt Trái Đất; nghĩa văn chương chỉ khối lượng to lớn (ví như biển) trên một diện tích rộng lớn; *biển vàng*: ví đồng lúa chín vàng rộng menh mông như biển), *ri đá* (một loại chim sê nhỏ, còn gọi là hoạ mi đất), *rầm rì* (từ gợi tả tiếng động hay tiếng nói chuyện nho nhỏ, cứ đều đều không dứt; theo ngữ cảnh của bài đọc, *rầm rì* nghĩa là: âm thanh liên tục làm động xung quanh), *quyen* (hoà vào nhau, không tách ra được),...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp của đồng lúa chín và bày tỏ lòng biết ơn những người nông dân đã làm ra hạt lúa.*
- HS liên hệ bản thân: *Kính trọng, biết ơn người nông dân.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại 2 khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp 2 khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.

- Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Quê mình đẹp nhất*.
- HS chia sẻ tranh (hoặc ảnh) về cảnh vật ở quê hoặc nơi mình sống; nói câu bày tỏ cảm xúc về cảnh vật đó.
- HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ Y hoa

- HS quan sát mẫu chữ Y hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ Y hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Y hoa.
- HS viết chữ Y hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ Y hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Yêu nước thương nòi*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ Y hoa và cách nối nét từ chữ Y hoa sang chữ ê.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Yêu*.
- HS viết chữ *Yêu* và câu ứng dụng *Yêu nước thương nòi* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Yêu cái cầu treo lối sang bà ngoại

Như vồng trên sông ru người qua lại.

Phạm Tiến Duật

- HS viết chữ Y hoa, chữ *Yêu* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đọc đoạn thơ, thảo luận nhóm nhỏ để tìm cặp từ ngữ chỉ sự vật và màu sắc tương ứng. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS tìm thêm một số cặp từ ngữ chỉ sự vật và màu sắc tương ứng.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS thảo luận nhóm đôi, đặt câu tả cảnh đẹp mà em thích.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS viết câu vào VBT.

C. Vận dụng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Ca sĩ nhí.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách chơi.

– HS hát tập thể bài hát *Em đi giữa biển vàng.*

– 1 – 2 HS nói trước lớp về cảm xúc của mình khi hát bài hát đó.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: SÔNG HƯƠNG (tiết 15 – 20, SHS, tr.69 – 73)

I. MỤC TIÊU

1. Giải được các câu đố về tên dòng sông; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả vẻ đẹp thơ mộng, luôn luôn biến đổi theo thời gian của sông Hương, bày tỏ tình yêu sông Hương; biết liên hệ bản thân: Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của quê hương, đất nước.*

3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được eo/oe; iu/iêu, an/ang.

4. Mở rộng được vốn từ về quê hương (nhận biết và biết cách viết tên riêng của dòng sông, ngọn núi, bãi biển); đặt được câu giới thiệu một cảnh sông nước hoặc núi non.

5. Nghe – kể được từng đoạn câu chuyện *Sự tích Hồ Guom* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.

6. Viết được 4 – 5 câu thuật việc đã tham gia theo gợi ý.

7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về quê hương.

8. Nói được về vẻ đẹp sông Hương với người thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip về sông Hương (nếu có).

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Sông Hương là một đặc ân* đến hết.
- HS mang tới lớp bài văn về quê hương đã tìm đọc.
- HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để trang trí bưu thiếp.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đồ bạn về tên dòng sông theo gợi ý.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Sông Hương*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của sông Hương: *sắc độ, xanh thắm, xanh biếc, xanh non, lung linh, dát vàng,...*).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *sắc độ, dát vàng, phương vĩ, trắng sáng,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau: / màu xanh thắm của đa trời, / màu xanh biếc của lá cây, / màu xanh non của những bãi ngô, / thắm cỏ in trên mặt nước.//; Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên / dành cho Huế, / làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, / làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, / tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm.//;...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sắc độ* (mức đậm, nhạt của màu), *đặc ân* (ơn đặc biệt),...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài: *Miêu tả vẻ đẹp thơ mộng, luôn luôn biến đổi theo thời gian của sông Hương, bày tỏ tình yêu sông Hương.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của quê hương, đất nước.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Sông Hương là một đặc ân* đến hết.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Sông Hương là một đặc ân* đến hết.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS nghe đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo, VD: *hoa, lúa*; hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *phượng vĩ, đồ rục, phố phường, lung linh, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dải, dất*.
- GV nhắc HS cách trình bày bài viết.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt eo/oe; iu/iêu, an/ang

2.2.1. Phân biệt eo/oe

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: *khéo léo, khoe sắc, tròn xoe, loé sáng, trong veo, mạnh khỏe*).
- Một vài HS nêu kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt iu/iêu, an/ang

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS đọc lại đoạn thơ đã điền vần và dấu thanh (Đáp án: vần *iu/iêu*: *địu, nịu, trịu, khiêu*; vần *an/ang*: *ngang, lang, đàn, giàn*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS quan sát các từ ngữ ở thẻ màu xanh và thẻ màu hồng, tìm điểm giống và khác nhau trong cách viết. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV giải thích cách viết khác nhau (chỉ sự vật chung; chỉ sự vật cụ thể – riêng).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b và thảo luận trong nhóm nhỏ.
- HS viết theo yêu cầu bằng trò chơi tiếp sức giữa các nhóm.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt câu trong nhóm nhỏ và viết vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

1. Giặc Minh đô hộ nước ta, làm nhiều điều bạo ngược. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa tại Lam Sơn nhưng ban đầu thế yếu nên thường bị thua. Vì thế, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để trừ giặc.

2. Hồi ấy, một người đánh cá tên là Lê Thận, ba lần kéo lưới đều gặp một thanh sắt, nhìn kĩ, hoá ra một lưỡi gươm. Sau đó, Lê Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn và dâng thanh gươm cho Lê Lợi.

3. Ít lâu sau, một lần Lê Lợi bị giặc đuổi phải chạy vào rừng, ông bắt được chuôi gươm nạm ngọc trên cây đa. Khi tra chuôi gươm vào lưỡi gươm ở nhà Lê Thận thì vừa như in. Lúc đó, Lê Lợi mới biết đây là gươm thần. Từ khi có gươm thần, nghĩa quân đánh đâu thắng đấy, cuối cùng đánh tan quân xâm lược.

4. Một năm sau khi thắng giặc, Lê Lợi – lúc bấy giờ đã lên ngôi vua – đi thuyền chơi hồ Tả Vọng, rửa vàng theo lệnh của Long Quân nổi lên đòi lại gươm thần. Vua nâng gươm trả lại cho rửa vàng. Từ đó, hồ mang tên là Hồ Gươm hay còn gọi là hồ Hoàn Kiếm.

Theo Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam

5.1. Nghe kể chuyện

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.
- HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn câu chuyện

- HS quan sát tranh và dựa vào từ ngữ gợi ý dưới tranh để kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS kể từng đoạn câu chuyện trong nhóm nhỏ (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể).

- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập thuật việc được tham gia (tiếp theo)

6.1. Sắp xếp các câu thành đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, thực hiện BT trong nhóm đôi (Đáp án: 3 – 1 – 4 – 5 – 2).
- Một vài HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Thuật lại cách làm bưu thiếp

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói về việc làm bưu thiếp.
- HS viết 4 – 5 câu thuật lại việc làm bưu thiếp.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về quê hương

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn (tác giả, cuốn sách), cảnh đẹp (từ ngữ, câu văn), cảm xúc,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn (tác giả, cuốn sách), cảnh đẹp (từ ngữ, câu văn), cảm xúc,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói về vẻ đẹp của sông Hương

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về vẻ đẹp của sông Hương với người thân.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách trao đổi với người thân theo yêu cầu ở nhà.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (TUẦN 27)

Tuần *Ôn tập giữa học kì II* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Nơi chốn thân quen, Bốn mùa tươi đẹp, Thiên nhiên muôn màu, Sắc màu quê hương.*

ÔN TẬP 1 (tiết 1 – 2, SHS, tr.74 – 75)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu đúng tên bài (văn bản truyện) đã đọc; đọc trôi chảy một đoạn trong bài và trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc về nội dung bài; trao đổi với bạn về một nhân vật trong truyện.

2. Viết đúng các chữ *Q, R, S, T, U, V, X, Y* hoa và viết đúng tên riêng địa lí.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa *Q, R, S, T, U, V, X, Y*.
- Tranh ảnh một số địa danh: Ô Quy Hồ, Ghềnh Ráng, Trường Sơn, U Minh Thượng (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Nhớ lại tên bài đọc

- HS xác định yêu cầu của BT 1, quan sát tranh, trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.
- HS chơi tiếp sức: dựa vào hình ảnh gợi ý, viết tên bài đọc.

2. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc thành tiếng một đoạn em thích trong một bài đọc ở BT 1 và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài đọc ở BT 1 theo nhóm 4.
- Một số HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Trao đổi về nhân vật em thích theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS trao đổi trong nhóm đôi về một nhân vật trong bài đọc (tên, lời nói).
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tên nhân vật, lời nói của nhân vật đó.

TIẾT 2

4. Ôn viết chữ Q, R, S, T, U, V, X, Y hoa

- HS quan sát mẫu chữ Q, R, S, T, U, V, X, Y hoa, xác định chiều cao, độ rộng các con chữ (có thể làm theo nhóm chữ).
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ 1 – 2 chữ hoa.
- HS viết chữ Q, R, S, T, U, V, X, Y hoa vào VTV.

5. Luyện viết tên riêng địa lí

- HS đọc các từ Ô Quy Hồ, Ghềnh Ráng, Trường Sơn, U Minh Thượng và nói hiểu biết của mình hoặc nghe GV giới thiệu các địa danh.
- HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng địa lí: Ô Quy Hồ, Ghềnh Ráng, Trường Sơn, U Minh Thượng.
- HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...
- HS quan sát cách GV viết từ Ô Quy Hồ.
- HS viết các tên riêng địa danh Ô Quy Hồ, Ghềnh Ráng, Trường Sơn, U Minh Thượng vào VTV.

6. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của bài ca dao:

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói toả ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.
Ca dao*

- HS viết bài ca dao vào VTV.

7. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

ÔN TẬP 2 (tiết 3 – 4, SHS, tr.75 – 76)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu đúng tên bài (văn bản thông tin) đã đọc; đọc trôi chảy một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc về nội dung bài; trao đổi với bạn về một thông tin biết thêm từ bài đọc.

2. Nghe – viết được một đoạn văn ngắn; đặt được câu phân biệt cặp từ *dây – giây*; phân biệt được *s/x*, *iên/iêng*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Thẻ ghi từ ngữ ở BT 4b cho HS chơi tiếp sức.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Nhớ lại tên bài đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 1, quan sát tranh kết hợp đọc các thông tin, trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.

– HS chơi tiếp sức: *Dựa vào hình ảnh và thông tin gợi ý, viết tên bài đọc.*

2. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc thành tiếng một đoạn văn em yêu thích trong bài đọc ở BT 1 và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài theo nhóm 4.

– Một số HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Trao đổi về thông tin trong bài đọc theo gợi ý

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trao đổi trong nhóm đôi về thông tin em biết thêm từ bài đọc.

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, thông tin mới.

TIẾT 2

4. Nghe – viết

– HS đọc bài *Chiều mùa hạ*, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *tha thiết*, *ao ước*, *thoang thoảng*, ...; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dịu*; ...

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT (GV hướng dẫn HS: tên bài lùi vào 5 – 6 ô, dòng đầu tiên lùi vào một ô. Viết dấu chấm cuối câu).

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

5. Luyện tập chính tả – Phân biệt *d/gi*; *s/x*, *iên/iêng*

5.1. Phân biệt *d/gi*

– HS xác định yêu cầu của BT 4b.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chơi tiếp sức để chữa BT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Phân biệt *s/x*, *iên/iêng*

– HS xác định yêu cầu của BT 4(c).

– HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ *s/x*: dòng suối, thôn xóm, làng xã, sườn núi; vần *iên/iêng*: củ riêng, triền núi, biên giới, công chiêng).

– HS chơi tiếp sức để chữa BT.

– HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ vừa điền.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP 3 (tiết 5 – 6, SHS, tr.77 – 78)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thuộc lòng đúng đoạn thơ; nêu đúng tên bài thơ có đoạn thơ đã đọc; trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn thơ; trao đổi được với bạn về những câu thơ em thích.

2. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Món quà quê* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh/ sổ tranh bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).

– Tranh ảnh, video clip truyện *Món quà quê* (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi

– HS xác định yêu cầu của BT 1, quan sát tranh, trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.

– HS chơi tiếp sức: chọn tranh, đọc thuộc lòng đoạn thơ phù hợp với bức tranh và viết tên bài đọc.

– HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

– Một số HS đọc thuộc lòng những đoạn thơ em thích trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Trao đổi về câu thơ em thích theo gợi ý

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm đôi về tên bài thơ, câu thơ em thích, cảm xúc của em khi đọc bài thơ.

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ, câu thơ em thích, cảm xúc của em khi đọc bài thơ.

TIẾT 2

3. Kể chuyện (Nghe – kể)

MÓN QUÀ QUÊ

1. Từ ngoài quê vào, ông Tư biểu gia đình Tuấn một bịch muối hạt làm quà. Thấy bịch muối, Tuấn buột miệng:

– Sao muối không trắng, mịn như muối nhà mình?

Ba cười và bảo Tuấn:

– Muối biển ở quê quý lắm con à.

2. Thấy Tuấn, ông Tư cười móm mém:

– Ông có bánh tổ cho cháu đây!

Ông đưa cho Tuấn một cái bánh bọc trong khuôn lá chuối. Bánh tròn, to, màu nâu sẫm, có rắc mè, trông bình thường và không hấp dẫn. Tuấn đáp ứng:

– Cháu cảm ơn ông Tư. Nhưng cháu...

3. Mẹ chạm nhẹ vào tay Tuấn:

– Con cảm ơn cậu Tư. Cậu vẫn nhớ món bánh tụi con mê từ hồi nhỏ...

4. Ông Tư về rồi, mẹ nhẹ nhàng nói với Tuấn:

– Đây là bánh quê mình. Phải quý nhà mình lắm ông Tư mới đem từ quê vào cho. Ngon lắm, con ăn thử xem.

Cắn một miếng bánh, Tuấn bất ngờ bởi vị ngọt và hương thơm rất lạ. Tuấn sẽ gọi điện xin lỗi ông. Tuấn mong hè sẽ về thăm ông Tư và được ông cho ăn bánh tổ.

Theo Kim Hải

3.1. Nghe kể chuyện

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

3.2. Kể từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát tranh và dựa vào từ ngữ gợi ý dưới tranh để kể lại từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS kể từng đoạn câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

3.3. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.

ÔN TẬP 4 (tiết 7 – 8, SHS, tr.78 – 79)

I. MỤC TIÊU

1. Nêu đúng tên bài đọc; đọc trôi chảy một đoạn trong bài và trả lời được các câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài; trao đổi được với bạn về một hình ảnh em thích trong bài đọc.

2. Tìm được 2 – 3 từ ngữ chứa tiếng đã cho. Tìm đúng từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?*, *Để làm gì?* phù hợp với nội dung câu đã cho; điền đúng dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Thẻ từ ghi tên bài đọc và từ ngữ ở BT 1 cho HS chơi tiếp sức.

– Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).

– Bảng nhóm cho HS tìm từ ngữ.

– Bảng phụ chép đoạn văn ở BT 6.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Nhớ lại tên bài đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 1; đọc tên bài đọc, từ ngữ có trong bài đọc; trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT trong nhóm nhỏ.

– HS chơi tiếp sức: *Nói hình ảnh miêu tả với tên bài đọc.*

2. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– Nhóm 4 HS đọc thành tiếng đoạn văn em yêu thích trong một bài văn ở BT 1 và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc tương ứng.

– Một số HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Trao đổi về hình ảnh em thích theo gợi ý

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trao đổi trong nhóm đôi về tên bài đọc, hình ảnh em thích, cảm xúc của em.

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, hình ảnh em thích, cảm xúc của em.

TIẾT 2

4. Ôn từ ngữ chỉ đặc điểm

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật mảnh ghép (thực hiện giai đoạn 1 trong nhóm, giai đoạn 2 trước lớp), một phần tư số nhóm thực hiện một yêu cầu, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Tìm từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?, Để làm gì?*

– HS xác định yêu cầu của BT 5.

– HS tìm từ ngữ trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp từ ngữ tìm được theo yêu cầu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS viết vào VBT câu hoàn chỉnh.

6. Ôn dấu câu

– HS xác định yêu cầu của BT 6.

– HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm đôi, thực hiện yêu cầu BT.

- HS chơi tiếp sức, điền dấu câu phù hợp vào ô trống.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu câu và nêu tác dụng của dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP 5 (tiết 9 – 10, SHS, tr.80 – 81)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc thầm và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài đọc.
2. Viết được 4 – 5 câu về một chuyến tham quan theo gợi ý.
3. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về thiên nhiên.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Một số tranh ảnh về chuyến tham quan của lớp, trường hoặc của gia đình HS.
- HS mang tới lớp bài thơ về thiên nhiên đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Đọc

- HS xác định yêu cầu của BT 1, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu tên bài đọc *Một ngày ở vườn quốc gia*.
- HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi.

2. Trả lời câu hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT.
- Một số HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa một số từ khó (nếu có).
- HS đọc lại cả bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

3. Ôn thuật việc được tham gia

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các câu hỏi gợi ý.
- HS chia sẻ với bạn:
 - + *Em được đi tham quan ở đâu?*

- + *Em làm những gì trong chuyến đi?*
- + *Cảm xúc của em về chuyến đi.*
- + ...
- HS viết vào VBT.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Đọc mở rộng

4.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ, hình ảnh em thích, cảm xúc của em.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ, hình ảnh em thích, cảm xúc của em.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

Chân trời sáng tạo

CHỦ ĐIỂM 13: BÁC HỒ KÍNH YÊU (TUẦN 28 – 29)

Chủ điểm *Bác Hồ kính yêu* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; góp phần giúp HS có ý thức học tập, rèn luyện theo lời *Bác Hồ dạy*.

BÀI 1: AI NGOAN SẼ ĐƯỢC THƯỞNG (tiết 1 – 4, SHS, tr.82 – 84)

I. MỤC TIÊU

1. Hát, đọc được đoạn/bài thơ về *Bác Hồ*; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Bác Hồ luôn yêu thương, quan tâm đến các cháu thiếu nhi, mong muốn các cháu thật thà, dũng cảm; biết liên hệ bản thân: Biết nhận lỗi nếu mắc lỗi; kính trọng, yêu quý Bác Hồ*; đọc được 5 điều *Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng* và rút ra được nội dung liên hệ với nhân vật.
3. Viết đúng chữ *A* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm về *Bác Hồ* và từ ngữ chỉ tình cảm của *thiếu nhi* với *Bác*; đặt được câu về *Bác Hồ*.
5. Trao đổi được về 1 – 2 việc làm của học sinh thực hiện 5 điều *Bác Hồ dạy*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Hình ảnh, video clip bài hát, bài thơ về *Bác Hồ* với *thiếu nhi* (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Các em nhỏ* đến hết.
- Mẫu chữ viết hoa *A* (kiểu 2).
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Bác Hồ kính yêu*.
- HS hoạt động nhóm nhỏ hoặc trước lớp: thi hát, đọc thơ về *Bác Hồ*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, lời nói, việc làm của các nhân vật,...
- HS nghe giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Ai ngoan sẽ được thưởng*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: người dẫn chuyện giọng kể thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ suy nghĩ, hành động của Bác Hồ; giọng Bác Hồ ấm áp, trìu mến; giọng các cháu thiếu nhi vui tươi, trong sáng; giọng Tô hổi hận).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ùa, quây quanh, khẽ, trùu mến, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Thưa Bác, / hôm nay / cháu không vâng lời cô. // Cháu chưa ngoan / nên không được ăn kẹo ạ. // ; ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *non nớt* (quá non, quá yếu), *khẽ* (không gây ra tiếng ồn hoặc một chuyển động có thể làm ảnh hưởng đến không khí yên tĩnh chung), *trùu mến* (biểu lộ tình yêu thương tha thiết), ...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp / nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Bác Hồ luôn yêu thương, quan tâm đến các cháu thiếu nhi, mong muốn các cháu thật thà, dũng cảm.*

– HS liên hệ bản thân: *Biết nhận lỗi nếu mắc lỗi, kính trọng, yêu quý Bác Hồ.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Các em nhỏ* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Các em nhỏ* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Bác Hồ kính yêu.*

– HS đọc lại 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ: nói được việc làm của Tô phù hợp với điều thứ năm (thật thà, dũng cảm nhận lỗi) trong 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.

– HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ A hoa (kiểu 2)

– HS quan sát mẫu chữ A hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ A hoa.

- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *A* hoa.
- HS viết chữ *A* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *A* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Ai cũng đáng yêu*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *A* hoa và cách nối từ chữ *A* hoa sang chữ *i*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Ai*.
- HS viết chữ *Ai* và câu ứng dụng *Ai cũng đáng yêu* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời,
Áo nâu, túi vải đẹp tươi lạ thường!*
Tố Hữu

- HS viết chữ *A* hoa, chữ *Áo* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS đọc từ ngữ có trong các thẻ màu và chọn từ ngữ ở thẻ màu xanh phù hợp với từ ngữ ở từng thẻ màu hồng.
- HS chữa bài bằng hình thức chơi tiếp sức ghép thẻ màu xanh với thẻ màu hồng (Đáp án: *mái tóc bạc phơ, đôi mắt tinh anh, nụ cười ấm áp, nước da hồng hào*).
- HS giải nghĩa từ ngữ vừa tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS đọc các tiếng có trong búp sen.
- HS ghép các tiếng cho sẵn để tạo thành các từ ngữ chỉ tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ (Đáp án: *kính yêu, kính mến, yêu quý, yêu mến, quý mến, mến yêu, ...*).
- HS giải nghĩa từ ngữ vừa ghép được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.

- HS đặt 2 – 3 câu về Bác Hồ theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT câu vừa đặt.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi về 1 – 2 việc làm của học sinh thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.*
- HS đọc lại 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về những việc làm phù hợp: làm việc nhà vừa sức, đoàn kết giúp đỡ bạn,...
- Một vài nhóm trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: THƯ TRUNG THU (tiết 5 – 10, SHS, tr.85 – 89)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về một món quà Trung thu mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình yêu thương, sự quan tâm của Bác Hồ dành cho các cháu thiếu nhi thể hiện qua Thư Trung thu*; biết liên hệ bản thân: *Kính yêu, biết ơn Bác Hồ; chăm chỉ học tập rèn luyện theo 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.*
3. Nghe – viết đúng đoạn thơ; phân biệt được *uy/uyu; l/n, uơu/ươu*.
4. Mở rộng được vốn từ về Bác Hồ kính yêu (từ ngữ chỉ phẩm chất đạo đức, hoạt động); đặt được câu kể về việc thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng; tìm được từ ngữ trả lời câu hỏi *Để làm gì?*.
5. Biết nói lời từ chối; nói và đáp lời bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng.
6. Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với người em yêu quý.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về Bác Hồ.
8. Đọc được *Thư Trung thu* của Bác Hồ cho người thân nghe; nói được suy nghĩ của mình sau khi đọc *Thư Trung thu* của Bác Hồ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, file nhạc, video clip về Bác Hồ.
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Ai yêu nhi đồng* đến hết.
- Bảng phụ ghi ô chữ ở BT 3.
- HS mang tới lớp truyện về Bác Hồ đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một món quà Trung thu mà em thích.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Thư Trung thu*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, trù mền).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bạn, ngoan ngoãn, sức, gìn giữ, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *hoà bình* (không có chiến tranh), ...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Tình yêu thương, sự quan tâm của Bác Hồ dành cho các cháu thiếu nhi thể hiện qua Thư Trung thu.*
- HS liên hệ bản thân: *Kính yêu, biết ơn Bác Hồ, chăm chỉ học tập rèn luyện theo 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Ai yêu các nhi đồng* đến hết.
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Ai yêu các nhi đồng* đến hết.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn thơ, trả lời câu hỏi về nội dung.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *ngoan ngoãn, sức, gìn giữ, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *gia, giữ, ...*
- HS nghe viết từng dòng thơ vào VBT (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ).

- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt uy/uyu; l/n, ươn/ương

2.2.1. Phân biệt uy/uyu

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS đánh vần: *u-y-uy; u-y-u-uyu* (Lưu ý: Đây là cặp vần khó, HS thường nhầm lẫn, GV nên cho HS thực hiện hoạt động đánh vần).
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: từ ngữ viết đúng chính tả: *suy nghĩ, khuy áo, nguy nga, khuy tay*; từ ngữ viết sai chính tả: *ngã khiu* – chữa lại: *ngã khuyu*). GV có thể giải thích thêm “khiu” không có nghĩa; “khuyu”: gập chân lại, không đứng thẳng nữa; có thể gập: ngã khuyu, khuyu chân lấy đà, khuyu gối. (Trường hợp chữ “khiu” tương tự như chữ “tước” đã đề cập ở tr.55).

- HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt l/n, ươn/ương

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thảo luận, chọn vần phù hợp thay cho ☹ trong nhóm đôi (Đáp án: chữ l/n: *nổi, nâu, lên*; vần ươn/ương: *vườn, thường, giường*).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS đọc lại đoạn thơ sau khi đã điền vần.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc ô chữ, thảo luận nhóm nhỏ để tìm các từ ngữ có trong 5 điều Bác Hồ dạy.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *đoàn kết, kỉ luật, dũng cảm, khiêm tốn, thật thà*).
- HS giải nghĩa các từ ngữ vừa tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc lại các từ ngữ vừa tìm được ở BT 3.
- HS đặt 2 – 3 câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu hỏi và trả lời theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Nói và nghe

5.1. Nói lời từ chối

– HS xác định yêu cầu của BT 5a, quan sát tranh và dựa vào nội dung bài đọc *Ai ngoan sẽ được thưởng*, HS thảo luận nhóm, dự đoán tình huống trong tranh.

- Một vài nhóm HS nói trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Ta thường nói lời từ chối khi nào?*
 - + *Khi nói lời từ chối, em cần nói với thái độ thế nào? Vì sao?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói lời bày tỏ sự ngạc nhiên, vui mừng

- HS xác định yêu cầu của BT 5b.
- HS thảo luận nhóm, nói trong nhóm nhỏ câu thể hiện cảm xúc ngạc nhiên và vui mừng của Tộ khi được nhận kẹo của Bác Hồ.
- HS trả lời câu hỏi: *Ta thường thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng khi nào?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Nói, viết về tình cảm với người em yêu quý

6.1. Đọc và trả lời câu hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc thầm đoạn văn và các câu hỏi.
- HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về tình cảm của em với thầy cô

- HS xác định yêu cầu của BT 6b, quan sát tranh và đọc các gợi ý.
- HS thảo luận trong nhóm đôi để trả lời theo các câu hỏi gợi ý.
- HS viết nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về Bác Hồ

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện (tập truyện, tên tác giả), tên nhân vật (việc làm, lời nói), lời khuyên,...
- HS hỏi đáp với bạn về những điều em muốn biết thêm trong truyện bạn đã chia sẻ.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện (tập truyện, tên tác giả), tên nhân vật (việc làm, lời nói), lời khuyên,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Thi đua *Em là cháu ngoan Bác Hồ*

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS nghe GV hướng dẫn cách đọc *Thư Trung thu* cho người thân nghe.
- HS nói suy nghĩ của mình sau khi đọc *Thư Trung thu*.
- HS thi kể tên các việc em đã làm ở nhà và ở trường.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 3: CHÁU THĂM NHÀ BÁC (tiết 11 – 14, SHS, tr.90 – 92)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về những điều em thấy trong bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy và ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu; giọng đọc thông thả, tình cảm; hiểu nội dung bài thơ: *Miêu tả vẻ đẹp của nhà sàn và thể hiện tình cảm của tác giả khi đến thăm nhà Bác Hồ*; biết liên hệ bản thân: *Kính yêu Bác Hồ*; đọc, hát và nêu được suy nghĩ của bản thân về bài hát *Tiếng chim trong vườn Bác* (Hàn Ngọc Bích).
3. Viết đúng chữ *Ả* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi và tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ. Đặt được câu về những việc làm của Bác Hồ với thiếu nhi và câu bày tỏ tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ.
5. Thực hiện được trò chơi *Hướng dẫn viên nhi*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh hoặc video clip nhà sàn của Bác Hồ.
- Bảng phụ ghi 2 khổ thơ cuối.
- Video clip bài hát *Tiếng chim trong vườn Bác* (Hàn Ngọc Bích).
- Mẫu chữ viết hoa *Ă* (kiểu 2).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về tranh minh hoạ bài đọc: cảnh vật, cây cối,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cháu thăm nhà Bác*.
- HS đọc tên bài kết hợp với kết quả trao đổi tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng tình cảm, tha thiết).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nắng tràn, ngan ngát, xao, ngõ...*; hướng dẫn đọc ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu của dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng từng dòng, khổ thơ, bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xao* (chao động, lay động),...
- HS đọc thầm lại bài thơ, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài thơ: *Miêu tả vẻ đẹp của nhà sàn và tình cảm của tác giả khi đến thăm nhà Bác Hồ.*
- HS liên hệ bản thân: *Kính yêu Bác Hồ.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, xác định giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại 2 khổ thơ cuối.
- HS luyện đọc trong nhóm 2 khổ thơ cuối.
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).

- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Điều em muốn nói*.
- HS đọc theo nhóm đôi một đoạn bài hát *Tiếng chim trong vườn Bác* (Hàn Ngọc Bích¹).
- GV hát mẫu hoặc trình chiếu video, clip đoạn nhạc cho HS nghe.
- HS hoạt động trong nhóm nhỏ: hát đoạn bài hát *Tiếng chim trong vườn Bác* của nhạc sĩ Hàn Ngọc Bích. Nói 1 – 2 câu về đoạn vừa đọc và hát.
- HS nghe một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ Ả hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ Ả hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ Ả hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ả hoa.
- HS viết chữ Ả hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ Ả hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Ăn ngay nói thẳng*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ Ả hoa và cách nối từ chữ Ả hoa sang chữ n.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Ăn*.
- HS viết chữ *Ăn* và câu ứng dụng *Ăn ngay nói thẳng* vào VTV.

¹ Nhạc sĩ Hàn Ngọc Bích sinh năm 1940, là tác giả của nhiều bài hát nổi tiếng; 4 ca khúc: *Tiếng chim trong vườn Bác*, *Em bay trong đêm pháo hoa*, *Tre già bên lăng Bác* và *Đưa cơm cho mẹ đi cày* được bình chọn trong 50 bài hát hay nhất thế kỷ XX). Ông kể về bài hát *Tiếng chim trong vườn Bác*: “Tôi viết ca khúc này vào tháng 4 năm 1973. Hồi đó, tôi rất muốn viết một ca khúc cho các em nhưng gần với Bác Hồ. Khi ấy, tôi đã đến thăm lăng Bác nhiều lần nhưng vẫn chưa viết được. Ý tưởng trong đầu đã có, đây là được nương tựa dưới bóng cây mát rượi của Bác Hồ. Nhưng phải đến buổi chiều nắng tháng Tư, ở Vườn hoa Chí Linh, tôi mới viết được ca khúc *Tiếng chim trong vườn Bác*. Đó là buổi chiều thứ Ba, thấy cây cao quá, tiếng chim cũng cao vút, trời thì trong xanh quá. Vậy là cảm hứng chợt đến, tôi ngồi đó và hoàn thành bài hát.”. (Theo Hồ Thị, *Bài hát ra đời tháng Tư năm ấy*, <https://thoibaonganhang.vn/bai-hat-ra-doi-thang-tu-nam-ay-23374.html>).

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Ấy ngày mừng sáu tháng Ba
Ăn cơm với cà, đi hội chùa Tây.
Ca dao*

- HS viết chữ *Ấ* hoa, chữ *Ăn* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS đọc 2 đoạn thơ, thảo luận nhóm nhỏ để tìm từ ngữ chỉ tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi (Đáp án: *yêu, nhớ thương, nhớ nhung*).
- HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa từ ngữ vừa tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS hoạt động nhóm để tìm từ ngữ theo yêu cầu của BT bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*.
- HS chữa bài bằng hình thức chơi tiếp sức, giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt 2 – 3 câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS viết vào VBT câu vừa đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Hướng dẫn viên nhí*.
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị nội dung trong nhóm: đọc lại bài thơ, tìm thêm những hình ảnh, thông tin, ... về ngôi nhà sàn Bác Hồ.
- HS đại diện các tổ hoặc nhóm thi làm *Hướng dẫn viên nhí*.
- HS nghe bạn và thầy cô bình chọn cho từng cá nhân dự thi.

BÀI 4: CÂY VÀ HOA BÊN LĂNG BÁC

(tiết 15 – 20, SHS, tr.93 – 97)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn một vài điều em biết về Bác Hồ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Cây và hoa cũng mang tình cảm thiêng liêng như của con người dành cho Bác; biết liên hệ bản thân: Kính yêu Bác Hồ; gìn giữ, bảo vệ khu di tích văn hoá, lịch sử.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; chọn được từ ngữ viết đúng; phân biệt được *ui/uy, s/x, ưc/ưt*.
4. Mở rộng được vốn từ về Bác Hồ kính yêu (từ ngữ chỉ phẩm chất, đức tính; chỉ quê hương, đất nước); đặt câu về hoạt động của thiếu nhi trong ngày *Tết trồng cây*.
5. Kể được truyện *Ai ngoan sẽ được thưởng* đã đọc.
6. Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với bạn bè.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về Bác Hồ.
8. Vận dụng được hiểu biết về tên và hình ảnh một số loài cây, hoa để giải ô chữ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về lăng Bác Hồ và cảnh cây cối xung quanh lăng.
- Tranh ảnh một số loài cây: vạn tuế, dầu nước, hoa ban, đào Sơn La, sứ đỏ, hoa dạ hương, hoa nhài, hoa mộc, hoa ngâu (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Sau lăng* đến hết.
- Tranh ảnh, video clip truyện *Ai ngoan sẽ được thưởng* (nếu có).
- HS mang đến lớp bài đọc về Bác Hồ đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn một vài điều em biết về Bác Hồ (những tên gọi của Bác Hồ, những mẫu chuyện về Bác Hồ với thiếu nhi,...).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: lăng Bác, cây cối xung quanh lăng,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cây và hoa bên lăng Bác*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, nhấn giọng ở một số từ ngữ chỉ đặc điểm của cây và hoa, giọng tình cảm, thiết tha ở câu cuối).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *uy nghi, gấn gũ, đâm chồi, toả, thẳng tắp, khoẻ khoắn, vươn lên, gấm vóc, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài, VD: *Trên bậc tam cấp,/ hoa dạ hương/ chưa đơm bông,/ nhưng hoa nhài trắng mịn,/ hoa mộc,/ hoa ngâu/ kết chùm/ đang toả hương ngào ngạt.//;...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *đâm chồi* (nảy ra từ trong cơ thể thực vật), *bậc tam cấp* (thềm có ba bậc để bước lên nền nhà), *ngào ngạt* (có mùi thơm lan toả rộng và kích thích mạnh vào khứu giác), *thiêng liêng* (cao quý, đáng coi trọng hơn hết),...

– HS quan sát GV chia sẻ hình ảnh một số cây và hoa có trong bài (nếu có).

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Cây và hoa cũng mang tình cảm thiêng liêng như của con người dành cho Bác.*

– HS liên hệ bản thân: *Kính yêu Bác Hồ, gìn giữ, bảo vệ khu di tích văn hoá, lịch sử.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Sau lắng* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Sau lắng* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS nghe đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS quan sát những chữ dễ viết sai do cấu tạo, do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *uy, gũ, toả ngát, trang, ...* hoặc do ngữ nghĩa, VD: *danh dự*; chú ý viết hoa tên riêng *Bà Đình* và trường hợp viết hoa đặc biệt: *Bác*.

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ui/uy; s/x; ưc/ưt

2.2.1 Phân biệt ui/uy

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS đọc thầm các từ ngữ trong ngôi sao.
- HS trao đổi nhóm đôi, chọn ngôi sao có từ ngữ viết đúng (Đáp án: từ ngữ viết đúng: *huy hiệu, mũi tàu, thành lũy, gần gũi*; từ ngữ viết sai: *thúi thúi* – chữa lại: *thủy thủ*).
- HS nêu kết quả trong nhóm đôi và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS có thể đặt câu với từ ngữ tìm được để hiểu nghĩa từ (nếu cần).

2.2.2. Phân biệt s/x, ưc/ưt

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS quan sát tranh và trao đổi nhóm đôi, chọn đúng tiếng ở từng chiếc lá ghép với tiếng ở mỗi bông hoa.
- HS nêu kết quả trong nhóm đôi và nói trước lớp (Đáp án: chữ s/x: *giọt sưong; xương rồng, xíc xắc, phô sắc*; vần ưc/ưt: *mứt dừa, mứt độ, mứt nỏ, mứt nê*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc thầm từ ngữ trong khung.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, chọn từ ngữ không cùng nhóm trong từng khung. Chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *đất nước; nhân dân*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS đặt 2 – 3 câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp 2 – 3 câu đã đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT câu đã đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Đọc – kể)

5.1. Đọc lại truyện Ai ngoan sẽ được thưởng

– HS đọc lại truyện *Ai ngoan sẽ được thưởng* để nhớ lại nội dung truyện: nhân vật, sự việc,...

5.2. Sắp xếp các bức tranh theo đúng trình tự sự việc

– HS quan sát, nói về nội dung từng tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để sắp xếp các bức tranh theo đúng trình tự sự việc trong truyện (Đáp án: 3 – 2 – 1 – 4).

5.3. Kể từng đoạn câu chuyện theo tranh

– HS quan sát tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện trước lớp (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể, phân biệt giọng các nhân vật).

– HS sử dụng tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện trong nhóm nhỏ.

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS phân vai, kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm nhỏ.

– Một vài nhóm HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Nói, viết về tình cảm với bạn bè

6.1. Nói về tình cảm với bạn bè

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc gợi ý.

– HS nói theo nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về tình cảm với bạn bè

– HS xác định yêu cầu của BT 6b.

– HS viết nội dung đã nói vào VBT.

– Một vài HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài đã đọc về Bác Hồ

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, thông tin, tình cảm, việc làm,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, thông tin, tình cảm, việc làm,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi Giải ô chữ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát các chữ cái có trong ô và hình ảnh gợi ý.
- HS chơi theo đội, giải các ô chữ (Đáp án: hàng ngang: 2. (hoa) *ngâu*; 4. *vạn tuế*; 5. (hoa) *nhài*; 6. (hoa) *hồng*; 7. (hoa) *đào*; 8. (hoa) *ban*) – hàng dọc: *cây và hoa*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tính điểm cho các đội chơi.

Chân trời sáng tạo

CHỦ ĐIỂM 14: VIỆT NAM MẾN YÊU (TUẦN 30 – 31)

Chủ điểm *Việt Nam mến yêu* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *yêu nước, nhân ái, trách nhiệm*; góp phần hình thành và bồi dưỡng cho HS lòng tự hào về vẻ đẹp của Tổ quốc, về truyền thống, văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; bước đầu có ý thức giữ gìn cảnh đẹp, vẻ đẹp văn hoá, truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

BÀI 1: CHUYỆN QUẢ BẦU (tiết 1 – 4, SHS, tr.98 – 100)

I. MỤC TIÊU

1. Kể được tên một vài dân tộc ít người mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về tên chủ điểm, về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Các dân tộc trên đất nước Việt Nam là anh em một nhà, cùng chung một tổ tiên*; biết liên hệ với bản thân: *Yêu quý bạn bè, dân tộc anh em*; biết tưởng tượng, hoàn thành các câu gợi ý để kể tiếp được câu chuyện một cách đơn giản.
3. Viết đúng chữ *Á* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ sự vật (con vật), từ ngữ chỉ đặc điểm; điền đúng dấu chấm, dấu phẩy.
5. Thực hiện được trò chơi *Nhà văn nhí*; nói được với bạn về tên em đã đặt.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh một số dân tộc sống trên đất nước Việt Nam (*Khơ Mú, Thái, Mông, Dao, Ê-đê, Ba-na, Kinh, ...*)¹ (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Một hôm* đến hết.
- Mẫu chữ viết hoa *Á* (kiểu 2).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn một vài dân tộc ít người mà em biết.
- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm².

¹ Tùy thực tế ở địa phương, GV có thể dùng thêm tranh ảnh các dân tộc sinh sống ở địa bàn đó, bên cạnh các dân tộc được bài đọc nhắc đến.

² GV có thể khơi gợi từ bài đọc *Bạn mới*, chủ điểm *Bạn thân ở trường*, *Tiếng Việt 2*, tập một, tr.125.

- HS nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ đề *Việt Nam mến yêu*.
- HS quan sát tranh, tên bài để phỏng đoán nội dung *Chuyện quả bầu*.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chuyện quả bầu*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng chậm rãi có thay đổi nhịp điệu, tốc độ theo diễn biến của câu chuyện, nhấn mạnh ở những từ ngữ, câu biểu thị ý chính của bài đọc, VD: *đùi báo sắp có lụt; Vợ chồng nhà họ thoát nạn.; sinh ra một quả bầu; từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ bước ra.; Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.;...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và đọc một số từ khó câu tạo âm tiết/ do ảnh hưởng của biến thể phương ngữ, VD: *trả ơn, lũ lụt, khoét rỗng, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, VD: *Nghe lời đùi,/ họ khoét rỗng khúc gỗ to,/ chuẩn bị thức ăn/ bỏ vào đó.//; Vừa chuẩn bị xong/ thì mưa to,/ gió lớn,/ nước ngập mênh mông.//; Người vợ bèn lấy que,/ đùi quả bầu.//;...*

- HS đọc thành tiếng bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thoát nạn* (*nạn*: hiện tượng trong thiên nhiên hoặc xã hội gây hại lớn cho con người; *thoát nạn*: trong bài đọc, nghĩa là thoát khỏi trận lũ lớn), *người Kơ Mú, người Thái, người Dao* (các dân tộc ít người, sống chủ yếu ở miền núi phía Bắc), *người Ê-đê, người Ba-na* (dân tộc ít người, sống chủ yếu ở Tây Nguyên), *người Kinh* (còn gọi là người Việt, dân tộc đông người nhất ở Việt Nam),...

(Nếu có thời gian, GV có thể khơi gợi HS nhắc lại nội dung bài đọc *Bạn mới*, chủ đề *Bạn thân ở trường*, nhân vật chính có 2 người bạn mới, một bạn dân tộc Tày, một bạn dân tộc Chăm.)

- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Các dân tộc trên đất nước Việt Nam là anh em một nhà, cùng chung một tổ tiên.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu quý bạn bè, dân tộc anh em.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Một hôm* đến hết.

- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Một hôm* đến hết.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Việt Nam trong mắt em*.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ: kể tiếp câu chuyện *Chuyện quả bầu* bằng cách hoàn thành các câu gợi ý. (Lưu ý: GV không gò ép trí tưởng tượng của HS nhưng phải đảm bảo thuần phong mỹ tục, các vấn đề về chính trị, dân tộc.)

(Gợi ý: Sau khi đi ra khỏi quả bầu, những con người bé nhỏ bỗng *cao to hơn*. Họ cùng đi đến *khắp mọi miền đất nước*. Họ làm nhà, *trồng trọt, chăn nuôi, xây chợ, đắp đê, làm trường học, xây dựng quê hương, ...*)

- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ *Á* hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ *Á* hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ *Á* hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *Á* hoa.
- HS viết chữ *Á* hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ *Á* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Ân sâu nghĩa nặng*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *Á* hoa và cách nối từ chữ *Á* hoa sang chữ *n*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Á*.
- HS viết chữ *Ân* và câu ứng dụng *Ân sâu nghĩa nặng* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Âm ầm bão táp mưa sa
Ấy là mắt bão biển xa, chuyển về.
Nguyễn Như Mai*

- HS viết chữ *Á* hoa, chữ *Âm*, chữ *Ấy* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a và đọc đoạn văn.
- HS tìm từ ngữ chỉ tên gọi và chỉ đặc điểm của các loài chim trong nhóm nhỏ.
- HS chơi tiếp sức viết tên gọi và đặc điểm của các loài chim (Đáp án: *chích choè – nhanh nhàu, khướu – lăm điều, chào mào – đom đóm, cu gáy – trầm ngâm*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS đọc các thẻ từ ghi tên các loài chim và quan sát tranh.
- HS thảo luận nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* để chọn tên gọi phù hợp với hình vẽ của từng loài chim.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đặt câu hỏi theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thảo luận nhóm đôi để chọn dấu câu phù hợp với mỗi ô trống.
- HS viết lại đoạn văn đã điền dấu câu vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp, đọc lại đoạn văn đã điền dấu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Nhà văn nhí*.
- HS tự đặt tên khác cho câu chuyện *Chuyện quả bầu*.
- HS nói với bạn về tên đã đặt trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: SÓNG VÀ CÁT Ở TRƯỜNG SA

(tiết 5 – 10, SHS, tr.101 – 105)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về màu sắc của những sự vật trong thiên nhiên; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Miêu tả về đẹp đặc biệt của sóng và cát ở các đảo Trường Sa; thể hiện tình cảm trân trọng của tác giả đối với những người làm nhiệm vụ canh giữ biển đảo; biết liên hệ bản thân: Yêu quý thiên nhiên, trân trọng những người làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *d/gi; iêu/ươu, oan/oang*.
4. Mở rộng được vốn từ về đất nước (từ ngữ chỉ sự vật và chỉ đặc điểm); đặt được câu tả cảnh đẹp của Việt Nam.
5. Biết nói và đáp lời an ủi, nói lời mời.
6. Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với người thân.
7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về đất nước Việt Nam.
8. Thực hiện được trò chơi *Hoạ sĩ nhí*, giới thiệu được về bức vẽ của mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Video clip, tranh ảnh về đặc sản vùng miền (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Cát xung quanh các đảo đến giữa biển khơi*.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT 3 và 4.
- HS mang tới lớp bài thơ về đất nước Việt Nam đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sử dụng tranh ảnh (nếu có) nói với bạn về màu sắc của những sự vật trong thiên nhiên (Dựa vào thực tế, GV có thể cho HS nghe, xem video clip giới thiệu về các đảo, những sinh vật dưới đáy biển, rừng,... ở Việt Nam).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài *Sóng và cát ở Trường Sa*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, tự hào, nhấn giọng các từ ngữ miêu tả về đẹp của sóng và cát: *mềm mại, chuyển động liên tục, tươi nhẹ, ánh*

lên, trắng lấp lánh, ...; chỉ tình cảm yêu quý và trân trọng của tác giả đối với chủ bộ đội hải quân: *màu áo của các chủ bộ đội, hoà quyện, vẻ đẹp riêng, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ ngữ khó (do ảnh hưởng phương ngữ/ do cấu tạo âm tiết): *bền bỉ, doi cát, xoay vần, hoà quyện, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ kèm nhấn giọng và luyện đọc một số câu dài: *Những con sóng bền bỉ ngày đêm/ vẽ quanh chân đảo một viền hoa/ như một dải đăng ten mềm mại.//; Hình ảnh cát san hô trắng lấp lánh,/ biển xanh/ và màu áo của các chủ bộ đội hải quân hoà quyện/ tạo nên vẻ đẹp riêng/ cho những hòn đảo ở Trường Sa.//, ...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xoay vần* (biến đổi theo lẽ tự nhiên), *cát san hô* (cát được tạo thành từ những vụn san hô), ...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ trả lời các câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài: *Miêu tả vẻ đẹp đặc biệt của sóng và cát ở các đảo Trường Sa; thể hiện tình cảm trân trọng của tác giả đối với những người làm nhiệm vụ canh giữ biển đảo.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý thiên nhiên, trân trọng những người làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn đoạn từ *Cát xung quanh các đảo đến giữa biển khơi*.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Cát xung quanh các đảo đến giữa biển khơi*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn *Chim rừng Tây Nguyên*, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *chao lượn, rợp, riu rít, rộn vang, ...*; hoặc do ngữ nghĩa.

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt d/gi; iêu/ươu, oan/oang

2.2.1. Phân biệt d/gi

- HS xác định yêu cầu của BT 2b, đọc và chọn từ ngữ viết sai, chữa lại cho đúng (Đáp án: dàn khoan – chữa lại: giàn khoan).
- HS giải nghĩa và đặt câu với một số từ ngữ viết đúng (nếu cần).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt iêu/ươu, oan/oang

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS thảo luận, chọn tiếng phù hợp thay cho ☼ trong nhóm đôi (Đáp án: vằn iêu/ươu: năng kiêu, con khướu, cái bướu, biểu quả; vằn oan/oang: khoang tàu, mũi khoan, luy hoàng, hoàn lại).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một vài HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS xếp các từ ngữ thành 2 nhóm trong nhóm nhỏ (Đáp án: từ ngữ chỉ sự vật: biển cả, bầu trời, sông suối, rừng núi – từ ngữ chỉ đặc điểm: bao la, bạt ngàn, trập trùng, mênh mông).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS giải nghĩa và đặt câu với một số từ ngữ (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS thảo luận nhóm đôi, chọn từ ngữ ở thẻ màu xanh phù hợp với từ ngữ ở thẻ màu hồng (GV có thể khơi gợi HS nhớ lại các thông tin đã được học ở bài đọc, bài chính tả được sử dụng lại ở BT).
- HS đọc các câu ghép được trước lớp.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.

- HS đặt 2 – 3 câu trong nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời an ủi

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS đóng vai để nói và đáp lời an ủi cho từng tình huống trong nhóm đôi theo yêu cầu BT.

- Một số nhóm HS nói trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Ta thường nói lời an ủi khi nào?*
 - + *Khi nói lời an ủi, em cần nói với thái độ thế nào? Vì sao?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói lời mời

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, quan sát tranh gợi ý.
- HS đóng vai để nói lời mời trong nhóm đôi.
- Một số nhóm HS nói lời mời bạn thưởng thức một món đặc sản trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Nói, viết về tình cảm với người thân

6.1. Nói theo gợi ý

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS thảo luận trong nhóm đôi sắp xếp lại thứ tự 5 câu đã cho (Đáp án: 4 – 5 – 1 – 3 – 2) thành đoạn văn.

- HS viết thứ tự các câu vào VBT, đọc lại đoạn văn đã sắp xếp lại thứ tự.
- HS thảo luận trong nhóm đôi trả lời các câu hỏi gợi ý ở BT 6b.
- Một vài HS nói trước lớp về kết quả BT 6b.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết 4 – 5 câu về tình cảm với anh (chị hoặc em) của em

- HS xác định yêu cầu của BT 6c, tìm hiểu các gợi ý.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một số HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về đất nước Việt Nam

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ một bài thơ về đất nước Việt Nam: tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ; GV có thể khuyến khích HS nêu tên sách/ báo có bài thơ đó), điều em thích (câu thơ, hình ảnh), cảm xúc.

- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ), điều em thích (câu thơ, hình ảnh), cảm xúc.

- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Hoạ sĩ nhí*

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS vẽ một hòn đảo theo trí tưởng tượng của mình.
- HS giới thiệu bức vẽ trong nhóm, trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 3: CÂY DỪA (tiết 11 – 14, SHS, tr.106 – 108)

I. MỤC TIÊU

1. Trao đổi được với bạn về một loài cây được trồng nhiều ở địa phương em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp, dấu câu, dòng thơ; đúng logic ngữ nghĩa; hiểu được nội dung: *Bài thơ miêu tả và ca ngợi vẻ đẹp của cây dừa – một loài cây gắn bó với con người, đất nước Việt Nam*; nhận diện được mối liên hệ giữa lời thơ và hình ảnh cây dừa; biết liên hệ với bản thân: *Yêu quý những cảnh đẹp của Tổ quốc Việt Nam*; viết 2 – 4 dòng thơ ngắn về một loài cây hoặc một loài hoa mình thích.
3. Viết đúng chữ Q hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.
4. Tìm được các từ ngữ chỉ sự vật và hoạt động có trong bức tranh; đặt và trả lời được câu hỏi *Ở đâu?*; điền đúng dấu chấm, dấu phẩy.
5. Kể được tên một số món ăn, đồ dùng, đồ chơi làm từ cây dừa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh về cây dừa; tranh ảnh, video clip về một vài loài cây, hoa (nếu có).
- Bảng phụ ghi 8 dòng thơ đầu.
- Mẫu chữ viết hoa Q (kiểu 2).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ trao đổi với bạn về một loài cây được trồng nhiều ở địa phương em (Gợi ý: HS nêu tên cây và một vài đặc điểm về hình dáng, công dụng).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Cây dừa*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc nhẹ nhàng, chậm rãi; chú ý việc ngắt nghỉ cuối câu bát – câu 8 chữ; nhấn mạnh ở những từ ngữ, câu biểu thị ý chính của đoạn thơ, bài thơ, miêu tả vẻ đẹp của cây dừa. VD: *Dang tay đón gió, gập đầu gọi trăng; Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao; Gọi đàn gió đến cùng dừa mùa reo; đứng đĩnh như là đứng chơi; ...*).

- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm, VD: *toả, tàu, tay, bạc phếch, quả, hoa, rượu, rì rào, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, VD: *Cây dừa xanh/ toả nhiều tàu,/ Dang tay đón gió/ gập đầu gọi trăng// Thân dừa/ bạc phếch thàng năm// Quả dừa/ – đàn lợn con/ nằm trên cao// Đêm hè/ hoa nở cùng sao// Tàu dừa/ – chiếc lược/ chải vào mây xanh.*

- HS đọc thành tiếng bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *toả* (từ một điểm chia ra các phía), *tàu (lá)* (lá to, có cuống dài), *canh* (trông giữ, bảo vệ), *đứng đĩnh* (chậm rãi, khoan thai).
- HS đọc thầm lại bài thơ, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Bài thơ miêu tả và ca ngợi vẻ đẹp của cây dừa – một loài cây gắn bó với con người, đất nước Việt Nam.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu quý những cảnh đẹp của Tổ quốc Việt Nam.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

- HS nghe GV đọc lại 8 dòng thơ đầu.
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp 8 dòng thơ đầu.
- HS luyện đọc thuộc lòng 6 dòng thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).
- HS luyện đọc thuộc lòng 6 dòng thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng 6 dòng thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Vui cùng con chữ*.
- HS thực hiện BT vào VBT: viết tiếp hoặc sáng tác 2 – 4 dòng thơ ngắn về một loài cây hoặc một loài hoa mình thích. (*Lưu ý*: không ép buộc HS phải gieo vần; không ép buộc phải đủ 4 dòng; HS có thể đặt tên bài thơ hoặc không. Tuy nhiên, GV cần khuyến khích HS đặt tên cho bài.)

VD tham khảo: **Cây bàng**: *Bàng xòe ô/ Che bóng mát/ Chim vui hát/ Giữa sân trường;*
Hoa đào: *Bông đào nhỏ/ Cánh hồng tươi/ Thấy hoa cười/ Là Tết đến;* **Hoa mai**: *Hoa mai vàng/ Xòe năm cánh/ Lung linh nắng/ Đón xuân sang* (Phạm Hải Lê).

- HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ Q hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ Q hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ Q hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Q hoa.
- HS viết chữ Q hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ Q hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Quê cha đất tổ*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ Q hoa và cách nối từ chữ Q hoa sang chữ u.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Quê*.
- HS viết chữ *Quê* và câu ứng dụng *Quê cha đất tổ* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tế Hanh*

- HS viết chữ *Q* hoa, chữ *Quê* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát bức tranh cảnh làng chài bãi biển.
- HS tìm từ trong nhóm 4 bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm một từ ngữ chỉ người, con vật có trong bức tranh và từ ngữ chỉ hoạt động tương ứng; thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: (*cô, chú, bác*) *ngư dân, người dân, ...* – *khêng, đi, mua bán, ...*; *chó – chạy, chim – bay, ...*).

- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đặt 2 – 3 câu trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói câu trước lớp.
- HS viết câu vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4c.
- HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm đôi thực hiện yêu cầu BT.
- HS điền dấu câu phù hợp vào ô trống ở VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu câu và nêu tác dụng của dấu chấm, dấu phẩy.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động, quan sát tranh gợi ý.
- HS kể tên một số món ăn, đồ dùng, đồ chơi làm từ cây dừa trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: TÔI YÊU SÀI GÒN (tiết 15 – 20, SHS, tr.109 – 113)

I. MỤC TIÊU

1. Ghép được các chữ cái và thêm dấu thanh (nếu cần) để tạo thành từ ngữ chỉ tên tỉnh và thành phố; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình yêu, lòng quý trọng và biết ơn với cảnh vật, con người Sài Gòn của tác giả; biết liên hệ với bản thân: Yêu thương, quý trọng Tổ quốc Việt Nam.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn, phân biệt được eo/oe, s/x, ac/at.
4. Mở rộng được vốn từ về đất nước (từ ngữ chỉ tình cảm với đất nước); đặt được câu giới thiệu, bày tỏ tình cảm với một cảnh đẹp của đất nước.
5. Kể được truyện *Chuyện quả bầu* đã đọc.
6. Viết được 4 – 5 câu về tình cảm với người thân theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về đất nước Việt Nam.
8. Nói được những điều em thích sau khi đọc bài *Tôi yêu Sài Gòn*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip cảnh hoặc bài hát về Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố của Việt Nam (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Tôi yêu những con đường* đến hết.
- Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp bài văn về đất nước Việt Nam đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, ghép các chữ cái và thêm dấu thanh (nếu cần) để tạo thành từ ngữ chỉ tên tỉnh và thành phố (Đáp án: *Hà Nội, Huế, Sài Gòn, An Giang, Hà Giang, ...*).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Tôi yêu Sài Gòn*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, trù mền, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, con người, hoạt động; từ ngữ chỉ cảm xúc).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ ngữ, cụm từ khó do cấu tạo và hoặc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *nắng sớm, phố khuya thưa thớt, buổi sáng tinh sương, vành khuyên riu rít,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện tình cảm yêu thương, trân quý: *Tôi/ yêu nắng sớm Sài Gòn.; Tôi/ yêu cả những con mưa rào bất ngờ ập xuống.//; Thỉnh thoảng trong vòm lá,/ vài chị sáo,/ chị sẻ,/ chị vành khuyên/ riu rít chuyện trò.//; Tôi/ yêu những con người hào hiệp./ luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người.//; câu bộc lộ cảm xúc, khẳng định tấm lòng yêu quý tự hào: Yêu biết mấy/ Sài Gòn của tôi!!!.*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *đập đù* (nhiều người, xe cộ qua lại không ngớt), *tinh sương* (khoảng thời gian rất sớm của buổi sáng), *thân thiện* (tỏ ra có tình cảm tốt, quý mến), *hào hiệp* (hết lòng vì người khác, không tính toán thiệt, hơn),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tình yêu, lòng quý trọng và biết ơn với cảnh vật, con người Sài Gòn của tác giả.*

– HS liên hệ với bản thân: *Yêu thương, quý trọng Tổ quốc Việt Nam.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Tôi yêu những con đường* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Tôi yêu những con đường* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *rop, bóng, cây sao, cao vút, chuyển cảnh, vành khuyên, riu rít, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dầu, giữa.*

- GV nhắc HS cách trình bày bài viết.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt eo/oe; s/x, ac/at

2.2.1. Phân biệt eo/oe

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: *hoe, khoe, reo, xoe*).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt s/x, ac/at

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS chọn thực hiện BT phân biệt s/x hoặc ac/at.
- HS đặt câu trong nhóm nhỏ.
- Một số HS trình bày kết quả BT trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm từ ngữ trong nhóm 4 theo hình thức mảnh ghép, mỗi HS tìm một từ ngữ chỉ tình cảm với đất nước, thống nhất kết quả trong nhóm.
- Một số nhóm HS trình bày bằng hình thức bổ sung thẻ ghi từ ngữ trên bảng.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS thực hiện BT vào VBT.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a và 4b, quan sát các bức ảnh gợi ý (*Lưu ý: bốn bức ảnh trong SHS chỉ là gợi ý, không bắt buộc HS phải đặt câu bày tỏ tình cảm với một trong bốn cảnh đẹp đó. Tuy nhiên, GV có thể giới thiệu về từng cảnh vật ở từng bức ảnh để gợi ý*).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ: chọn cảnh đẹp sẽ dùng để đặt câu, chọn từ ngữ bày tỏ tình cảm với cảnh đẹp đã chọn.

– HS thảo luận trong nhóm đôi: *Đặt 2 – 3 câu giới thiệu và câu bày tỏ tình cảm với một cảnh đẹp của đất nước.*

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Đọc – kể)

5.1. Đọc lại truyện Chuyện quả bầu

HS đọc thầm lại truyện *Chuyện quả bầu*.

5.2. Sắp xếp các bức tranh theo đúng trình tự sự việc

– HS quan sát tranh, thảo luận nhóm 4.

– HS sắp xếp lại các bức tranh theo diễn tiến của câu chuyện (Đáp án: 4 – 1 – 2 – 3).

5.3. Kể từng đoạn câu chuyện theo tranh

– HS quan sát các bức tranh đã sắp xếp lại thứ tự.

– HS kể chuyện nối tiếp trong nhóm 4.

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập nói, viết về tình cảm với người thân

6.1. Luyện tập nói về tình cảm với người thân

– HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc gợi ý.

– HS nói theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Luyện tập viết về tình cảm với người thân

– HS xác định yêu cầu của BT 6b.

– HS viết 4 – 5 câu về nội dung vừa nói vào VBT.

- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về đất nước Việt Nam

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS đọc thầm gợi ý.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, điều em thích – hình ảnh đẹp – câu văn hay, điều em muốn nói – cảm xúc – việc làm,...
- HS chọn từ ngữ (có thể chọn gợi ý có sẵn) để thể hiện nhận xét của bản thân về bài văn khi em đọc.

- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn (tên tác giả), điều em thích (hình ảnh đẹp, câu văn hay), điều em muốn nói (cảm xúc, việc làm),...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói về những điều em thích sau khi đọc bài *Tôi yêu Sài Gòn*

- HS nghe GV hướng dẫn một vài điều em có thể chia sẻ với người thân:
 - + *Tên bài văn.*
 - + *Nội dung của bài văn.*
 - + *Những câu văn, những hình ảnh em thích.*
 - + ...
- HS có thể thực hành với bạn ở lớp hoặc ở nhà.

CHỦ ĐIỂM 15: BÀI CA TRÁI ĐẤT (TUẦN 32 – 33 – 34)

Chủ điểm *Bài ca Trái Đất* hướng đến việc bồi dưỡng cho HS phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; nhận thức về vẻ đẹp của Trái Đất, góp phần hình thành tinh thần trách nhiệm của một người công dân đối với Trái Đất (bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã).

BÀI 1: CÂY NHÚT NHÁT (tiết 1 – 4, SHS, tr.114 – 116)

I. MỤC TIÊU

1. Giải được câu đố về các loài cây; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời của các nhân vật và lời người dẫn chuyện; hiểu nội dung bài đọc: *Vì nhút nhát, cây xấu hổ đã bỏ lỡ cơ hội được ngắm một con chim đẹp*; biết liên hệ với bản thân: *Cần mạnh dạn, tự tin*; biết tưởng tượng và kể tiếp câu chuyện bằng cách hoàn thành các câu gợi ý.
3. Viết đúng chữ *N* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ chỉ đặc điểm về thiên nhiên; đặt được câu tả cảnh đẹp thiên nhiên có bộ phận trả lời câu hỏi *Ở đâu?* hoặc *Khi nào?*.
5. Thực hiện được trò chơi *Thẻ màu kì diệu*; nói được 1 – 2 câu tả cảnh đẹp thiên nhiên.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Nhưng những cây cỏ xung quanh đến đẹp đến thế*.
- Mẫu chữ viết hoa *N* (kiểu 2).
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 3 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Bài ca Trái Đất*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đồ bạn về các loài cây,...
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, chuyện gì xảy ra, hành động của các nhân vật,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cây nhút nhát*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: người dẫn chuyện giọng thông thả, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của con chim, hoạt động, trạng thái của cây cỏ; câu hỏi cuối bài đọc với giọng nuôi tiếc).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *lat xat, co rúm, xuyt xoa, trầm trồ, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Lúc bấy giờ,/ nó mới mở bình những con mắt lá/ và quả nhiên/ không có gì lạ thật.//; Thì ra,/ vừa có một con chim xanh biếc,/ toàn thân lóng lánh như tơ toả sáng/ không biết từ đâu tới.//,...*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *cây xấu hổ* (còn gọi: cây nhút nhát, cây mắc cỡ. Đây là loài cây nhỏ mọc hoang, thân có gai, hoa màu tím hồng, lá kép lông chim, thường khép lại khi bị đụng đến), *lat xat* (từ mô phỏng tiếng động như lá khô hoặc vải cứng cọ xát vào nhau), *xuyt xoa* (phát ra những tiếng gió khe khẽ trong miệng để biểu thị cảm giác đau, rét, hoặc tiếc rẻ, thương xót, kinh ngạc), *thán phục* (cảm phục và khen ngợi), *huyền diệu* (rất kì lạ, có cái gì đó cao sâu, tác động mạnh đến tâm hồn mà con người không hiểu biết hết được), *tiếc* (cảm thấy không vui vì đã trót không làm việc gì đó), *lóng lánh* (có ánh sáng phản chiếu tựa như mặt hồ dưới ánh trăng, không liên tục nhưng đều đặn, vẻ sinh động, đẹp mắt),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nội dung bài đọc: *Vì nhút nhát, cây xấu hổ đã bỏ lỡ cơ hội được ngắm một con chim đẹp.*

– HS biết liên hệ bản thân: *Cần mạnh dạn, tự tin.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Nhưng những cây cỏ xung quanh đến đẹp đến thế.*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Nhưng những cây cỏ xung quanh đến đẹp đến thế.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Thì ra đến vội vàng bay đi.*

– HS luyện đọc thuộc lòng đoạn từ *Thì ra đến vội vàng bay đi* (PP xoá dần).

– HS luyện đọc thuộc lòng đoạn văn trong nhóm đôi.

- Một vài HS thi đọc thuộc lòng đoạn văn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Hi vọng ngọt ngào*.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ: kể tiếp câu chuyện *Cây nhút nhát* bằng cách hoàn thành các câu gợi ý. *Lưu ý:* GV chỉ hướng dẫn HS sửa chữa nếu lời kể của HS có nội dung ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, thuần phong mỹ tục; không ép buộc HS phải theo một khuôn mẫu “máy móc”, khuyến khích các cách diễn đạt độc đáo; công nhận những lời kể khác với tập tính của cây xấu hổ.

(Gợi ý: Rồi một ngày kia, con chim xanh huyền diệu quay trở lại, cây xấu hổ *mở mắt chiêm ngưỡng con chim xanh huyền diệu*.; Lúc đó, cây xấu hổ *cất tiếng gọi con chim xanh huyền diệu/ cùng các bạn cất cao lời ca đón chào con chim xanh huyền diệu*.; Cây xấu hổ cảm thấy *tự hào vì đã được ngắm nhìn vẻ đẹp huyền diệu của con chim xanh*...).

- HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ N hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ N hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ N hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ N hoa.
- HS viết chữ N hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ N hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Non sông tươi đẹp*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ N hoa và cách nối từ chữ N hoa sang chữ o.
- HS quan sát cách GV viết chữ Non.
- HS viết chữ Non và câu ứng dụng *Non sông tươi đẹp* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Nhà em treo ảnh Bác Hồ
Bên trên là một lá cờ đỏ tươi.
Trần Đăng Khoa*

- HS viết chữ N hoa, chữ Nhà và câu thơ vào VTV.

2.3. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS quan sát tranh, đọc các từ ngữ và chọn từ ngữ phù hợp với từng tranh, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ.
- HS chơi tiếp sức gắn từ ngữ phù hợp dưới tranh (Đáp án: 1: *mênh mông*, 2: *nhấp nhô*, 3: *cong cong*, 4: *phẳng lặng*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS tìm thêm một số từ ngữ miêu tả đặc điểm của sự vật trong các bức ảnh.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a và 4b, quan sát câu mẫu.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS viết vào VBT 2 – 3 câu vừa đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Thẻ màu kì diệu*.
- HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS nói trước lớp câu tả cảnh thiên nhiên có từ ngữ chỉ màu sắc trên thẻ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: BẠN CÓ BIẾT? (tiết 5 – 10, SHS, tr.117 – 121)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn một điều thú vị về một loài vật mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thế giới thiên nhiên vô cùng diệu kì. Từ đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và kích thích sự ham hiểu biết, tìm hiểu về thiên nhiên*; biết liên hệ bản thân: *Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp*.

3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *eo/oe; ch/tr; an/ang*.
4. Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm của sự vật); sắp xếp từ ngữ thành câu.
5. Biết nói và đáp lời không đồng ý, lời đề nghị với đối tượng bằng vai.
6. Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với một sự việc.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về thiên nhiên.
8. Thực hiện được trò chơi *Đố vui về các loài chim*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động của một số loài vật trong tự nhiên (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Con vật nào chạy đến hết*.
- HS mang tới lớp một truyện đã tìm đọc về thiên nhiên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một điều thú vị trong thế giới loài vật mà em biết, VD: *loài động vật cao nhất; loài chim có bộ lông nhiều màu sắc; loài vật trung thành; loài vật biết nhại tiếng người; ...*
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nói về cây/ con vật gì,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bạn có biết?*

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, chậm rãi, nhấn mạnh những điểm thú vị, độc đáo của từng loài vật được giới thiệu).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ki-lô-mét, buồn, cao nhông, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu có).
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Thế giới thiên nhiên vô cùng diệu kì. Từ đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và kích thích sự ham hiểu biết, tìm hiểu về thiên nhiên.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Con vật nào chạy* đến hết.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Con vật nào chạy* đến hết.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *xuyết xoa, trầm trở, huyền diệu, ...*; hoặc do ngữ nghĩa.
- GV nhắc HS cách trình bày bài viết.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt eo/oe; ch/tr, an/ang

2.2.1. Phân biệt eo/oe

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm trong các thẻ màu các từ ngữ viết đúng (Đáp án: từ ngữ viết đúng chính tả: *khoé mắt, khéo tay, vàng choé*; từ ngữ viết sai chính tả: *vàng heo*; chữa lại: *vàng hoe*).
- HS sửa lại từ ngữ viết sai, giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt ch/tr, an/ang

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c) và chọn BT phân biệt *ch/tr* hoặc *an/ang*.
- HS đọc đoạn thơ và thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ *ch/tr*: *trưa, Trâu, Chợt, chim*; vần *an/ang*: *ran, nan, làng*).
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm 3, mỗi HS tìm các từ ngữ thuộc từng nhóm (Đáp án: từ chỉ sự vật: *hải âu, thuyền buồm, ngon mùi*; từ chỉ hoạt động: *bơi lội, đưa đẩy, chao liệng*; từ chỉ đặc điểm: *nhỏ nhỏ, to lớn, trắng nõn, xanh biếc*).

- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa một số từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đọc các thẻ từ, thảo luận để lựa chọn các cách sắp xếp từ ngữ cho sẵn thành câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi (*Lưu ý*: HS có thể không sử dụng hết các từ ngữ để xếp thành câu vẫn được chấp nhận).
- HS nói trước lớp câu vừa sắp xếp được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS viết vào VBT câu vừa sắp xếp được.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời không đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5a, đọc lời đề nghị trong đoạn hội thoại.
- HS xác định nội dung của lời đề nghị trong đoạn hội thoại: vai giao tiếp (*vai bằng nhau*), mục đích giao tiếp (*rii bạn cùng làm chung một việc*); nội dung giao tiếp (*thả bóng bay trong ngày Trái Đất*).
- HS thực hiện nói và đáp lời không đồng ý trong nhóm đôi và trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Theo em, chúng ta có nên thả bóng bay lên trời không? Vì sao?* (Gợi ý: bóng bay làm từ nhựa sẽ gây ô nhiễm không khí, đất; khi thả lên trời có thể gây tai nạn đến máy bay, các loài chim trong quá trình di chuyển,...)
 - + *Khi nào em cần nói lời không đồng ý?*
 - + *Khi nói lời không đồng ý với bạn, cần chú ý điều gì?* (*giọng điệu, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...*).
 - + *Khi nghe bạn không đồng ý với ý kiến của mình, em sẽ nói gì?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, quan sát tranh và xác định tình huống.

- HS đóng vai, nói và đáp lời đề nghị phù hợp với tình huống trong tranh.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + Theo em, khi bạn vứt rác không đúng nơi quy định, em sẽ nói gì? Vì sao?
 - + Ta thường nói lời đề nghị khi nào?
 - + Khi nhận được lời đề nghị, em cần đáp với thái độ thế nào? Vì sao?
 - + Khi nói và đáp lời đề nghị, cần chú ý điều gì? (giọng điệu, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...)
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Nói, viết về tình cảm với một sự việc

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.
- HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về tình cảm với một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS nói trong nhóm đôi về một giờ học mà em thích dựa trên các câu hỏi gợi ý.
- HS viết 4 – 5 câu về nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện (tập truyện, tác giả), nhân vật (suy nghĩ, việc làm), điều em học được,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện (tập truyện, tác giả), nhân vật (suy nghĩ, việc làm), điều em học được.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Đố vui về các loài chim*

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS đọc câu đố và dựa trên một số từ ngữ chỉ đặc điểm của loài chim để đoán tên con vật (Đáp án: *chim én, chim cánh cụt*).
- HS tìm thêm một số câu đố, gợi ý:

Chim gì lượn báo mùa xuân?

Chim gì nhảy nhót chuyên cần bắt sâu?

(Đáp án: *chim én, chim sâu*)

Mỏ dài lông biếc,

Trên cành lặng yên,

Bỗng vút như tên,

Lao mình bắt cá.

(Đáp án: *chim bói cá*)

Chim gì xuất hiện trong truyện cổ tích Thạch Sanh?

(Đáp án: *đại bàng*)

BÀI 3: TRÁI ĐẤT XANH CỦA EM (tiết 11 – 14, SHS, tr.122 – 124)

I. MỤC TIÊU

1. Nói được với bạn về một cảnh thiên nhiên mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Ca ngợi vẻ đẹp của Trái Đất và khẳng định Trái Đất là của tất cả mọi người, chúng ta cần biết yêu quý và bảo vệ Trái Đất*, biết liên hệ bản thân: *Cùng bạn bè yêu quý và bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung*; viết được điều mình ước mong cho Trái Đất.
3. Viết đúng chữ *M* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.
4. Tìm được từ ngữ chỉ sự vật ở biển hoặc ở rừng; đặt được câu giới thiệu sự vật ở biển hoặc ở rừng; đặt được câu có từ ngữ trả lời câu hỏi *Ở đâu?* hoặc *Vì sao?*.
5. Thực hiện được trò chơi *Hoạ sĩ nhí*; giới thiệu được về bức vẽ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về bờ câu đũa thư hoặc bài hát về Trái Đất.
- Bảng phụ ghi khổ thơ đầu.
- Mẫu chữ viết hoa *M* (kiểu 2).
- Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về một cảnh đẹp thiên nhiên.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nói điều gì về Trái Đất,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Trái Đất xanh của em*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng vui vẻ, yêu thương, trìu mến).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *thơ bé, biêng biếc, đạt dào, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *biêng biếc* (màu xanh lam pha lục giống màu bầu trời), *hội ngộ* (gặp nhau), ...
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Ca ngợi vẻ đẹp của Trái Đất và khẳng định Trái Đất là của tất cả mọi người, chúng ta cần biết yêu quý và bảo vệ Trái Đất.*
- HS liên hệ bản thân: *Cùng bạn bè yêu quý và bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp khổ thơ đầu.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).
- HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.
- Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Bỏ câu đố thư*.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ: nêu điều em mong ước cho Trái Đất (*Gợi ý: Ước mong thế giới hoà bình; Ước mong không có dịch bệnh; Ước mong bốn mùa tươi đẹp; Ước mong không có bão lũ; ... Lưu ý: không ép buộc HS phải theo một khuôn mẫu “máy móc”, khuyến khích các cách diễn đạt độc đáo; GV chỉ hướng dẫn HS sửa chữa nếu lời nói của HS có nội dung ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, thuần phong mỹ tục*).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ M hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ M hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ M hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ M hoa.
- HS viết chữ M hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ M hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Mưa thuận gió hoà*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ M hoa và cách nối từ chữ M hoa sang chữ *ư*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Mưa*.
- HS viết chữ *Mưa* và câu ứng dụng *Mưa thuận gió hoà* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Mặt biển là cái sân chơi
Mái che là cả vòm trời mênh mông.
Nguyễn Ngọc Ký*

- HS viết chữ M hoa, chữ *Mặt*, chữ *Mái* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu BT.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a và 4b, quan sát tranh gợi ý.
- HS đặt câu trong nhóm nhỏ, khuyến khích đặt 2 – 3 câu có kết nối về ý tưởng. HS thêm vào câu vừa đặt từ ngữ trả lời câu hỏi *Ở đâu?* hoặc *Vì sao?*.
- HS chia sẻ trước lớp, nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT 2 – 3 câu vừa đặt.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Hoạ sĩ nhí.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:
 - + *Đọc lại bài, chọn một hình ảnh em thích.*
 - + *Vẽ lại hình ảnh đó theo trí tưởng tượng của em.*
 - + *Giới thiệu bức vẽ trước lớp.*
- HS thực hành vẽ tranh và chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: HÙNG ĐÔNG MẶT BIỂN (tiết 15 – 20, SHS, tr.125 – 129)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về tên gọi và vẻ đẹp của một bãi biển mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tả vẻ đẹp của cảnh biển lúc bình minh, thể hiện tình yêu thiên nhiên thanh bình, tươi đẹp*; biết liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp bình minh, vẻ đẹp của thiên nhiên.*
3. Nhìn – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *ui/uy; r/d/gi; iêc/iêt*.
4. Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ môi trường); đặt được câu với từ ngữ cho sẵn, điền từ.

5. Nghe – kể được từng đoạn của câu chuyện *Chuyện của cây sồi* theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.

6. Viết được 4 – 5 câu về tình cảm với một sự việc theo gợi ý.

7. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về thiên nhiên.

8. Thực hiện được trò chơi *Hoạ sĩ nhí*, đặt tên, giới thiệu được bức vẽ với bạn hoặc người thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Gió càng lúc đến lao mình tới*.
- Tranh ảnh, video clip truyện *Chuyện của cây sồi* (nếu có).
- HS mang tới lớp bài thơ về thiên nhiên đã tìm đọc.
- HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để vẽ cảnh biển.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về tên và vẻ đẹp của một bãi biển.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: cảnh gì, ở đâu,...

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Hình đông mặt biển*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, nhấn mạnh ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của cảnh biển).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nguy nga, rục rờ, vút, thon thả, rướn, long lanh, du ngoạn, lai láng, can trường...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Mảnh buồm nhỏ tí phía sau/ nom như một con chim/ đang đỗ sau lái,/ cổ rướn cao/ sấp lên tiếng hót.// Nhìn từ xa,/ giữa cảnh mây nước long lanh,/ mấy chiếc thuyền lưới/ làm ăn nhiều khi vất vả/ nhưng trông cứ như những con thuyền du ngoạn.//*...

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *du ngoạn* (đi chơi ngắm cảnh), *can trường* (gan dạ, không sợ nguy hiểm), *nguy nga* (to lớn, đẹp đẽ và uy nghi – thường dùng để nói về công trình kiến trúc), *thon thả* (có vẻ thon và đẹp), *long lanh* (có ánh sáng phản chiếu trên vật trong suốt, tạo vẻ đẹp trong sáng, sinh động), *ức* (ngực), *lai láng* (trần đầy khắp cả, như đâu cũng có), *tựa hồ* (giống như),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tả vẻ đẹp của cảnh biển lúc bình minh, thể hiện tình yêu thiên nhiên thanh bình, tươi đẹp.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý vẻ đẹp bình minh, vẻ đẹp của thiên nhiên.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Gió càng lúc đến lao mình tới.*

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Gió càng lúc đến lao mình tới.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS nghe đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *cuộn, lai láng, mênh mông, hụp, nô giỡn, ầm ầm, vỗ sũ, ức, mũi, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *gió, giỡn, giờ, ...*

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt ui/uy; d/r/gi, iêc/iêt

2.2.1. Phân biệt ui/uy

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS trao đổi nhóm tìm lời giải đố (Đáp án: *tàu thủy, núi*).

– HS nêu kết quả trong nhóm đôi và nói trước lớp.

– HS viết lời giải đố vào VBT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS đặt câu với từ ngữ tìm được để hiểu nghĩa từ (nếu cần).

2.2.2. Phân biệt r/d/gi, iêc/iêt

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS đọc đoạn văn và các tiếng trong ngoặc đơn.
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ r/d/gi: *dầu, rụng, giữa, dẫu* – vần iêc/iêt: *tiết, biếc, thiết*).
- HS nêu kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS tìm hiểu nghĩa của từ ngữ bằng cách chọn thẻ màu xanh có lời giải nghĩa phù hợp với mỗi từ ngữ trong thẻ màu hồng trong nhóm nhỏ.
- HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS viết 2 – 3 câu vừa đặt vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS chọn từ ngữ trong khung phù hợp với mỗi  trong đoạn văn (Đáp án: *nhỏ, trong vắt, vắng vắng, chảy, tràn ngập*).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền từ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5. Kể chuyện (Nghe – kể)

CHUYỆN CỦA CÂY SÒI

1. Ngày xưa, khắp nơi trên mặt đất đều là những khu rừng xanh tốt. Những cái cây trò chuyện với nhau. Nhiều cây non nói:

- Dòng nước ngầm chảy qua rễ mình, mát quá!
- Một cây béo ú cất giọng:
- Chúng ta chỉ cần hút nước và tận hưởng, sướng thật!

2. Trong khi đó, một cây sòi bé nhỏ nhất đám im lặng. Cuối cùng nó mới cất tiếng:

– Tớ không nghĩ vậy. Ông tớ bảo chẳng có gì là mãi mãi, sẽ có ngày nguồn nước cạn kiệt. Nếu chỉ biết tận hưởng mà không phát triển bộ rễ mạnh khỏe, chúng ta sẽ sớm chết khô!

– Chết ư? – Cái cây béo tốt cười – Thôi đi ông cụ non, làm gì có chuyện đó.

– Đúng rồi, đúng rồi! – Cả đám cây tán đồng.

Sồi con không còn biết nói gì nữa. Nó đành lủi thủi một mình.

3. Thế là từ đó, trong khi bạn bè tập trung phát triển thân, cành thì sồi con chăm sóc bộ rễ. Không ít lần, sồi con gặp phải những viên đá, những khoảng đất cứng, song nó không hề nản.

4. Bỗng một ngày kia, một trận động đất làm cho nhiều mạch nước ngầm bị tắc. Nguồn nước cạn kiệt, nhiều cây đã lần lượt bị khô héo. Cái cây béo tốt dạo nọ từ từ đổ xuống vì bộ rễ yếu ớt không thể giữ được cái thân to khỏe.

Cách đó không xa, gia đình nhà sồi vẫn đứng vững, xanh tươi dưới trời nắng gắt.

Phỏng theo Hạt giống tâm hồn

5.1. Nghe kể chuyện

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện. GV có thể giới thiệu thêm về cây sồi (một loại cây lấy gỗ, sống trong rừng).

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể). GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi, kết hợp với quan sát tranh minh họa từng đoạn truyện và kiểm tra phán đoán của mình.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

5.2. Kể từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát tranh và cụm từ gợi ý dưới tranh để kể lại từng đoạn, 2 đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích, giải thích lí do. Trao đổi về nội dung câu chuyện.

TIẾT 5, 6

6. Luyện tập nói, viết về tình cảm với một sự việc

6.1. Nói về tình cảm với một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS thực hiện theo nhóm nhỏ, dựa vào thẻ từ để tìm ý cho bài nói về tình cảm khi tham gia một ngày hội ở trường bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi bạn thực hiện một ý.
- Một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về tình cảm với một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 4 – 5 câu về nội dung vừa nói ở BT 6a vào VBT.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ), điều em thích (từ ngữ, hình ảnh),...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ (tên tác giả, tập thơ), điều em thích (từ ngữ, hình ảnh),...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Hoạ sĩ nhí*

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS vẽ cảnh biển và đặt tên cho bức vẽ.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để giới thiệu về tên bức vẽ và những gì mình đã vẽ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 5: BẠN BIẾT PHÂN LOẠI RÁC KHÔNG?

(tiết 21 – 24, SHS, tr.130 – 132)

I. MỤC TIÊU

1. Bày tỏ được ý kiến của em về hành động của các bạn nhỏ trong tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Hướng dẫn cách phân loại rác; cần giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp*; biết liên hệ bản thân: *Vận dụng cách phân loại rác để giữ gìn môi trường*; viết được 2 – 3 điều nên và không nên làm để bảo vệ môi trường.
3. Viết đúng chữ *V* hoa (kiểu 2) và câu ứng dụng.
4. Phân biệt được từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động; đặt được câu đề nghị.
5. Chia sẻ được với bạn cách làm một đồ dùng từ vỏ chai, vỏ hộp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Rác tái chế đến đồ chơi*.
- Mẫu chữ viết hoa *V* (kiểu 2).
- Thẻ từ ghi sẵn các từ ngữ ở BT 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh và bày tỏ ý kiến của mình về hành động của hai bạn nhỏ trong tranh. Từ đó, HS phỏng đoán về nội dung của bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bạn biết phân loại rác không?*
- HS thử nêu cách phân loại một số loại rác mà em biết.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng từ tốn, chậm rãi).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xử lý, phân huỷ, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài (nếu cần).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó: *rác* (những thứ vụn vặt bị vứt bỏ vương vãi và làm bẩn – nói tổng quát); *sinh hoạt* (những hoạt động thuộc về đời sống hằng ngày

của một người hay một cộng đồng người – nói tổng quát); *xử lí* (áp dụng những thao tác nhất định vào cái gì đó để nghiên cứu, sử dụng); *hữu cơ* (thuộc giới sinh vật, mang đặc thù của những vật có cơ quan thực hiện chức năng sống); *vô cơ* (không thuộc giới sinh vật, không phải là vật có sự sống); *tái chế* (làm lại vật khác từ những sản phẩm cũ, hỏng, hoặc từ đồ phế thải);...

- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Hướng dẫn các cách phân loại rác; cần giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp.*
- HS liên hệ bản thân: *Vận dụng cách phân loại rác để giữ gìn môi trường.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Rác tái chế đến đồ chơi.*
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Rác tái chế đến đồ chơi.*
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Điều em muốn nói.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ: nêu 2 – 3 điều nên và không nên làm để bảo vệ môi trường. *Lưu ý:* không ép buộc HS phải theo một khuôn mẫu “máy móc”, khuyến khích các cách diễn đạt độc đáo. GV chỉ hướng dẫn HS sửa chữa nếu lời nói của HS có nội dung ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, thuần phong mỹ tục.

(Gợi ý: *Giữ vệ sinh; Trồng cây; Chăm sóc cây; Bảo vệ động vật; Tham gia tuyên truyền bảo vệ môi trường; Chấp hành nội quy bảo vệ môi trường; ... Không xả rác bừa bãi; Không phá tổ chim; Không bẻ cành, vặt hoa; ...*)

- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nghe một vài HS trình bày kết quả trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ V hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ V hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ V hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ V hoa.
- HS viết chữ V hoa vào bảng con.
- HS tô và viết chữ V hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Vâng lời cha mẹ*.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ *V* hoa và cách nối từ chữ *V* hoa sang chữ *â*.
- HS quan sát cách GV viết chữ *Vâng*.
- HS viết chữ *Vâng* và câu ứng dụng *Vâng lời cha mẹ* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.
Nguyễn Đình Thi*

- HS viết chữ *V* hoa, chữ *Việt* và câu thơ vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc từ ngữ trong khung và thảo luận trong nhóm nhỏ, sắp xếp các từ ngữ vào 2 nhóm.
 - HS chơi tiếp sức để chữa BT (Đáp án: từ ngữ chỉ tài nguyên thiên nhiên: *cây cối, biển đảo, rừng núi, chim chóc, nước*; từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên: *trồng cây, phân loại rác, bảo vệ chim muông, giữ vệ sinh môi trường, tiết kiệm nước*).
 - HS giải nghĩa từ khó (nếu có).
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS chơi trò chơi *Truyền điện* để nói miệng câu vừa đặt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chia sẻ với bạn cách làm một đồ dùng từ vỏ chai, vỏ hộp.*
- 1 – 2 HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.
- HS có thể trao đổi trước với bạn (nếu có thời gian).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

Bài 6: CUỘC GIẢI CỨU BÊN BỜ BIỂN

(tiết 25 – 30, SHS, tr.133 – 137)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về những điều em thấy trong tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thông qua việc tham gia một hoạt động giải cứu con vật, bạn nhỏ biết thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình với các vấn đề về bảo vệ môi trường và bảo vệ động vật hoang dã; biết liên hệ bản thân: Tham gia bảo vệ vạn vật xung quanh mình.*
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *d/gi; ch/tr; dấu hỏi/ dấu ngã.*
4. Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ các hiện tượng trong tự nhiên); đặt được câu theo mẫu *Ai thế nào?*
5. Nói được 2 – 3 câu về nội dung từng tranh của câu chuyện *Ngày như thế nào là đẹp?*; kể được từng đoạn của câu chuyện theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Viết được 4 – 5 câu về tình cảm với một sự việc theo gợi ý.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về thiên nhiên.
8. Giới thiệu được về một con vật sống ở biển hoặc đảo mà em biết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Một lần đến chăm sóc.*
- Tranh ảnh, video clip truyện *Ngày thế nào là đẹp?* (nếu có).
- HS mang tới lớp bài văn về thiên nhiên đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh, đọc tên bài và phỏng đoán về nội dung câu chuyện được vẽ trong tranh.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cuộc giải cứu bên bờ biển*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, nhấn mạnh ở những từ ngữ nói về hoạt động giải cứu chú chim hải âu, giọng ănnăn, hồi hận khi đọc đoạn cuối).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *tiện, chao liêng, thoi thóp, kẹt, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài (nếu có).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó: *thoi thóp* (thở rất yếu và không đều một cách mệt nhọc, biểu hiện sắp chết), *hối hận* (lầy lăm tiếc và cảm thấy đau lòng, day dứt khi nhận ra điều lầm lỗi của mình),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Thông qua việc tham gia một hoạt động giải cứu con vật, bạn nhỏ biết thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình với các vấn đề về bảo vệ môi trường và bảo vệ động vật hoang dã.*

– HS liên hệ bản thân: *Tham gia bảo vệ vạn vật xung quanh mình.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Một lần* đến *chăm sóc*.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Một lần* đến *chăm sóc*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn *Rừng trưa*, trả lời câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *uy nghi, tráng lệ, trắng, vuron, rử, mãi, ...*

– GV nhắc HS cách trình bày bài viết.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt d/gi; ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã

2.2.1. Phân biệt d/gi

- HS xác định yêu cầu của BT 2b, quan sát tranh và thực hiện theo nhóm đôi.
- HS nêu kết quả, nghe bạn và GV nhận xét (Đáp án: *dùng dăng dùng dẽ, quạt giấy, con dơi, giàn mướp*).
- HS thực hiện BT vào VBT.

2.2.2. Phân biệt ch/tr, dấu hỏi/ dấu ngã

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c).
- HS đọc đoạn văn và thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ *ch/tr*: *trong, trưa, chiều; dấu hỏi/ dấu ngã: kẻ, đã, vẫn, ngủ*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chia 2 đội thi giải ô chữ: *đọc các gợi ý và tìm từ ngữ phù hợp với mỗi hàng ngang* (Đáp án: 1. *mưa*, 2. *mặt trời*, 4. *đảo*, 5. *sấm*) và cột dọc (Đáp án: *mặt đất*).
- HS làm rõ nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc câu mẫu.
- HS nói trong nhóm và trước lớp câu theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét câu.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 5, 6

5. Kể chuyện (Xem – kể)

NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP?

Trời hừng nắng sau nhiều ngày mưa dầm. Châu châu nhanh nhẹn nhảy lên gò đất. Nó chìa cái lưng màu xanh ra phơi nắng. Nó búng chân tanh tách, cọ giữa đôi cẳng:

- Một ngày tuyệt đẹp!
- Thật khó chịu! – Giun đất thốt lên, cố rúc đầu sâu thêm vào lớp đất khô.
- Thế là thế nào? – Châu châu nhảy lên. – Trời không một gợn mây, mặt trời toả nắng rực rỡ khắp nơi nơi.

– Không đúng! Ngày có mưa bụi và những vũng nước đục. Đó mới là một ngày tuyệt đẹp! – Giun đất cãi lại.

Châu châu không đồng ý với giun đất. Chúng quyết định đi tìm một con vật mà chúng gặp đầu tiên để hỏi. Đúng lúc đó, kiến tha nhánh lá thông đi qua, nó dừng lại nghỉ.

Châu châu hỏi kiến:

– Bác kiến ơi, hôm nay là một ngày tuyệt đẹp hay đáng ghét?

Kiến lau mồ hôi, ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

– Tôi sẽ trả lời câu hỏi của các bạn sau khi mặt trời lặn nhé!

Mặt trời lặn, chúng đi đến tổ kiến.

– Hôm nay là ngày thế nào hả bác kiến đáng kính?

– Hôm nay là một ngày tuyệt đẹp! Vì tôi đã làm việc rất tốt. Bây giờ, tôi có thể nghỉ ngơi thoải mái.

Theo Ô-xê-ê-va (Valentina Oseeva), Thuý Toàn dịch

5.1. Phân tích nội dung câu chuyện

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phân tích nội dung câu chuyện.
- HS quan sát từng tranh, đọc bóng nói và cùng bạn nói 2 – 3 câu về nội dung từng bức tranh. GV có thể dùng các câu hỏi hỗ trợ HS.
- HS trao đổi về phân tích của mình với nhóm bên.

5.2. Kể từng đoạn câu chuyện

- HS đọc các từ ngữ gợi ý dưới tranh và kể từng đoạn câu chuyện trong nhóm nhỏ (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật).
- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.
- HS trao đổi về một ngày được xem là đẹp của bản thân.

6. Luyện tập nói, viết về tình cảm với một sự việc (tiếp theo)

6.1. Luyện tập nói về tình cảm với một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc gợi ý.

- HS nói theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Luyện tập viết về tình cảm với một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 4 – 5 câu về nội dung vừa nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, nội dung bài, điều đáng nhớ, việc nên làm,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tên tác giả, nội dung bài, điều đáng nhớ, việc nên làm,...
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Giới thiệu một con vật sống ở biển hoặc đảo

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chọn một con vật sống ở biển hoặc đảo mà em biết.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để giới thiệu về con vật đó theo các gợi ý sau:
 - + *Tên con vật.*
 - + *Con vật đó có màu gì, hình dáng như thế nào, ăn thức ăn gì, ...?*
 - + *Em thích điểm gì nhất ở con vật đó?*
- Một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (TUẦN 35)

Tuần Ôn tập cuối học kì II tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực ở HS; rèn luyện và phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Bác Hồ kính yêu, Việt Nam mến yêu, Bài ca Trái Đất* và luyện tập thực hiện đề kiểm tra đánh giá (gợi ý) các kĩ năng đọc, viết, nghe, nói cuối học kì II.

ÔN TẬP 1 (tiết 1 – 3, SHS, tr.138 – 140)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc đúng bài đọc với tốc độ 60 – 70 tiếng/ phút; trả lời được các câu hỏi về bài đọc *Những đám mây sẽ kể*.
2. Viết đúng các chữ hoa *A, Ă, Â, Q, N, M, V* hoa (kiểu 2) và viết đúng các tên riêng địa lí.
3. Điền đúng các từ ngữ chỉ đặc điểm; điền đúng dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm than; viết hoa đúng các chữ đầu câu; viết được 2 – 3 câu nói về tình cảm với người thân có dùng dấu phẩy hoặc dấu chấm than.
4. Chia sẻ được một bài thơ đã đọc về cảnh đẹp thiên nhiên.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Những con thuyền* đến hết và ghi một vài BT (nếu được).
- Mẫu chữ viết hoa *A, Ă, Â, Q, N, M, V* hoa (kiểu 2).
- Tranh ảnh đảo Phú Quý, Nam Du (cảnh tiêu biểu), Mũi Cà Mau, (sông) Vàm Cỏ Đông (nếu có).
- HS mang tới lớp sách/ báo có bài thơ về cảnh đẹp thiên nhiên đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Đọc

1.1. Luyện tập đọc thành tiếng

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Những đám mây sẽ kể*.
- HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi.

1.2. Luyện tập đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *đắp bồi* (đắp thêm cho dày hơn, vững hơn),...

- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 2

2. Viết

2.1. Luyện tập viết chữ A, Ă, Â, Q, N, M, V hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ A, Ă, Â, Q, N, M, V hoa (kiểu 2), xác định chiều cao, độ rộng các con chữ (có thể làm theo nhóm chữ).
- HS quan sát GV viết mẫu và nhắc lại quy trình viết chữ 1 – 2 chữ hoa.
- HS viết chữ A, Ă, Â, Q, N, M, V hoa (kiểu 2) vào VTV.

2.2. Luyện tập viết tên riêng địa lí

- HS quan sát tranh ảnh, nghe GV giới thiệu ngắn gọn về các đảo Phú Quý, Nam Du (cảnh tiêu biểu), Mũi Cà Mau, (sông) Vàm Cỏ Đông¹.
- HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng *Phú Quý, Nam Du, Mũi Cà Mau, Vàm Cỏ Đông*.
- HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...
- HS quan sát cách GV viết từ *Phú Quý*.
- HS viết các tên riêng *Phú Quý, Nam Du, Mũi Cà Mau, Vàm Cỏ Đông* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của các bài ca dao:

Cảnh đẹp non sông
Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.
Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.
Ca dao

- HS viết các bài ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

¹ Hoạt động chỉ dừng ở mức độ như vừa nêu, tránh sa đà vào giới thiệu địa lí, kinh tế xã hội của nơi được nhắc đến, vì mục tiêu của bài là ôn luyện viết hoa tên riêng.

TIẾT 3

3. Luyện tập về từ ngữ chỉ đặc điểm

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc thầm đoạn văn, từ ngữ trong khung.
- HS chọn từ ngữ phù hợp với ☼ (Đáp án: *dịu mát, cao vút, nhỏ nhắn, chăm chỉ, xinh đẹp*).
- Một vài HS đọc đoạn văn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện tập về câu và dấu câu

4.1. Luyện tập về dấu câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đọc thầm đoạn văn, thảo luận trong nhóm đôi tìm hiểu câu, cụm từ trước mỗi ô trống.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu câu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Luyện tập viết về tình cảm đối với người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một vài HS trình bày bài viết trước lớp.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Đọc mở rộng

5.1. Chia sẻ một bài thơ đã đọc về cảnh đẹp thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 5a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài thơ, hình ảnh đẹp, khổ thơ hay, đọc khổ thơ em thích.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài thơ, hình ảnh đẹp, khổ thơ hay.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP 2 (tiết 4 – 6, SHS, tr.140 – 142)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc đúng bài đọc với tốc độ 60 – 70 tiếng/ phút; đọc hiểu và trả lời câu hỏi về bài đọc *Khu rừng Hạnh Phúc*.
2. Nghe – viết được đoạn thơ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ/ 15 phút; viết đúng một số từ dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng phương ngữ.
3. Luyện tập phân biệt chính tả *d/gi; ch/tr; iên/iêng, dấu hỏi/ dấu ngã*.
4. Viết được 4 – 5 câu tả một đồ chơi của em.
5. Biết nói và đáp lời cảm ơn, lời chào, lời đề nghị.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

Tranh ảnh, video về một vài hoạt động của HS, nhà trường (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phán đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Khu rừng Hạnh Phúc*.
- HS đọc nối tiếp các đoạn trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu có).
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 2

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn *Tiếng chim buổi sáng*, trả lời câu hỏi về nội dung.
- HS đánh vần một số tiếng, từ khó đọc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *sáng, trời, lần, lay, cành, võ, nắng, rải, cây rom, ...*; hoặc do ngữ nghĩa, VD: *dậy*.
- HS nghe GV đọc từng dòng thơ để viết vào VBT. (GV hướng dẫn HS: chữ đầu dòng 6 lùi vào 2 ô, chữ đầu dòng 8 lùi vào 1 ô).
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả

2.2.1. Luyện tập chính tả ngữ nghĩa – Phân biệt đ/gi

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS đọc câu, nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Luyện tập chính tả phương ngữ – Phân biệt ch/tr; iên/iêng, dấu hỏi/dấu ngã

❖ Phân biệt ch/tr

- HS xác định yêu cầu của BT2 (c).
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: trung du, chim chóc, trông rìng, chăm sóc).
- HS giải nghĩa (nếu cần) và có thể đặt câu từ ngữ vừa điền (hoạt động đặt câu – nói – có thể khuyến khích với HS khá giỏi).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

❖ Phân biệt iên/iêng

- HS xác định yêu cầu của BT2 (c).
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: thiên nhiên, nổi tiếng, biển đảo, chao nghiêng).
- HS giải nghĩa và đặt câu với từ ngữ vừa tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

❖ Phân biệt dấu hỏi/ dấu ngã

- HS xác định yêu cầu của BT2 (c).
- HS thực hiện BT vào VBT (Đáp án: gió bão, lũ lụt, ấm ướt, bảo vệ).
- HS giải nghĩa và đặt câu với từ ngữ vừa điền (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Luyện tập viết câu tả một đồ chơi của em

- HS đọc yêu cầu BT 3 và các câu hỏi gợi ý.
- HS chia sẻ với bạn về:
 - + Tên đồ chơi.
 - + Đặc điểm (hình dáng, màu sắc, ...).
 - + Tình cảm của em với đồ chơi.
- HS viết 4 – 5 câu về nội dung vừa nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện tập nói và nghe

4.1. Luyện tập nói và đáp lời cảm ơn, lời chào

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đóng vai, nói và đáp lời cảm ơn, lời chào trong nhóm đôi.
- Một vài nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Luyện tập nói và đáp lời đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đóng vai, nói và đáp lời đề nghị trong nhóm đôi.
- Một vài nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II (tiết 7 – 10, SHS, tr.143 – 146)

I. MỤC TIÊU

1. Đọc đúng đoạn/ bài *Người thiếu niên anh hùng*; tốc độ đọc 60 – 70 chữ/ 1 phút.
2. Đọc thầm được, trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Một chuyến đi*.
3. Nghe – viết được đoạn văn với tốc độ khoảng 50 – 55 chữ/ 15 phút; viết hoa đúng các chữ đầu câu; viết đúng được một số trường hợp chính tả *d/gi* thường gặp; viết đúng một số tiếng dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ.
4. Đặt được câu phân biệt cặp từ *dàn – giàn*.
5. Điền đúng dấu chấm câu (dấu chấm, chấm than); viết hoa đúng các chữ đầu câu.
6. Viết được 4 – 5 câu thuật lại việc làm góp phần giữ gìn trường lớp xanh, sạch, đẹp theo gợi ý.
7. Nghe và trả lời được các câu hỏi về nội dung truyện *Kiến và ve*; nói được điều học được từ câu chuyện.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh một số đồ dùng học tập.
- Một số tờ thăm ghi các đoạn dùng kiểm tra đọc thành tiếng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

A. Đọc thành tiếng

- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện nội dung kiểm tra đọc thành tiếng bài *Người thiếu niên anh hùng*; nghe GV nói qua bài đọc, giải thích một vài từ khó (*Nguyên*:

triều đình phong kiến Trung Quốc (1271 – 1368) do người Mông Cổ lập ra sau khi quân Mông Cổ chiếm được Trung Quốc. *Trần Quốc Toản* (1267 – 1285): một thiếu niên anh hùng, em vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên).

- HS bắt thăm đoạn đọc.
- HS đọc đoạn mình đã bắt thăm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá.

B. Đọc hiểu

1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện nội dung kiểm tra đọc hiểu bài *Một chuyến đi*.
- HS nghe GV đọc bài *Một chuyến đi* và giải thích một số từ khó (nếu cần).
- HS đọc thầm bài *Một chuyến đi*.
- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thực hiện yêu cầu BT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Trả lời câu hỏi ngắn

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thực hiện yêu cầu BT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Viết 1 – 2 câu nêu điều em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thực hiện yêu cầu BT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3 – 4

C. Viết

1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung đoạn viết.
- HS đánh vần một số tiếng, từ khó đọc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *Trũu, rời rời, huu huu, ...*
- HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2. Đặt câu phân biệt cặp từ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thực hiện yêu cầu BT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Điền dấu câu

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc thầm đoạn văn, thực hiện yêu cầu BT.
- HS đọc lại đoạn văn đã điền dấu các dấu chấm câu (dấu chấm, dấu chấm than) và viết hoa chữ đầu câu (*Bạn, Còn*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Thuật việc được tham gia

- HS đọc yêu cầu BT 4 và các câu hỏi gợi ý.
- HS viết đoạn văn.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

D. Nghe – nói

1. Nghe – hiểu: *Kiến và ve*

- HS nghe GV đọc truyện *Kiến và ve* lần 1.
- HS xác định yêu cầu BT 1.
- HS nghe GV đọc lại truyện *Kiến và ve* lần 2.
- HS thực hiện yêu cầu BT.

2. Nói về điều em học được từ câu chuyện

- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS trả lời (nói miệng) BT 2 – nêu điều học được từ truyện *Kiến và ve*.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 2 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|--|
| 1. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 6. ÂM NHẠC 2
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 7. MĨ THUẬT 2
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 2
Sách giáo viên | 8. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 2
Sách giáo viên |
| 4. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
Sách giáo viên | 9. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 2
Sách giáo viên | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhú trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-25605-8



9 786040 256058

Giá: 48.000 đ